SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

NNC
CTCP ĐÁ NÚI NHỎ

Giấy CNĐKKD và ĐK thuế số 37000762471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 07/12/2009.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số ……QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ — Điện thoại: (84 - 650) 3751 515
DT-743, Bình An, Bình Thung, Dĩ An, Tỉnh Bình Dương — Fax: (84 - 650) 3751 234
Website: www.nuinho.vn

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. — Điện thoại: (84 - 4) 3928 8888
Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội . — Fax: (84 - 4) 3928 9888

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt . — Điện thoại: (84 - 8) 3914 6888
6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh . — Fax: (84 - 8) 3914 7999
Website: www.bvsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Trần Phú Cường - Kế toán trưởng — Điện thoại: (84 - 650) 3751 515
DT-743, Bình An, Bình Thung, Dĩ An, Tỉnh Bình Dương — Fax: (84 - 650) 3751 234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ (NNC)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 37000762471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 07/12/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Lọai cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng niêm yết:	8.768.175 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 87.681.750.000 đồng *(Tám mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).*

❖ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs)

Trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 - 8) 3820 5944 Fax: (84 - 8) 3820 5942

Email: aascs@vnn.vn Website: www.aascs.com.vn

❖ **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (84-4) 3928 8888 Fax: (84-4) 3928 9888

Chi nhánh TP HCM: 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (84-8) 3914 6888 Fax: (84-8) 3914 7999

Email: info@bvsc.com.vn Website: www.bvsc.com.vn

MỤC LỤC

I. NHÂN TỐ RỦI RO 6

1. Rủi ro về kinh tế. 6
2. Rủi ro về pháp luật. 7
3. Rủi ro kinh doanh 7
4. Rủi ro liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp 8
5. Rủi ro khác. 9

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9

1. Tổ chức niêm yết 9
2. Tổ chức tư vấn 9

III. CÁC KHÁI NIỆM 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 10

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 10
2. Tổng quan về Công ty 11
3. Cơ cấu tổ chức Công ty 12
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 14
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông 17
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết 18
7. Hoạt động kinh doanh 19

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của NNC 19

7.2 Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng nhóm sản phẩm dịch vụ 22

Biểu đồ 4: Các đợt điều chỉnh giá bán của công ty qua các năm 26

7.3 Nguyên vật liệu 26

7.4 Chi phí sản xuất 29

7.5 Trình độ công nghệ 30

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 32

7.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ 32

7.8 Hoạt động Marketing 33

7.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 33

7.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2010. 33

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất 34

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của công ty trong hai năm gần nhất 34
8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo 2008-2009 35
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành 38
10. Chính sách đối với người lao động 42
11. Chính sách cổ tức 45
12. Tình hình hoạt động tài chính 45
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng 50
13.1 Thành viên HĐQT 50
13.2 Ban Kiểm soát 56
13.3 Ban Giám đốc 61
13.4 Kế toán trưởng 63
14. Tài sản 64
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 65
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 68
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 68
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 68
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 70
1. Loại chứng khoán 70
2. Mệnh giá 70
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 70
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 70
5. Phương pháp tính giá 71
6. Giá niêm yết dự kiến 73
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 73
8. Các loại thuế có liên quan 74
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 74
1. Tổ chức tư vấn niêm yết. 74
2. Tổ chức kiểm toán. 75
VII. PHỤ LỤC 75
1. Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 75
2. Phụ lục 02: Điều lệ công ty 75

3. Phụ lục 03: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính quyết toán Quý 1/2010. 75
4. Phụ lục 04: Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 20/11/2009. 75
5. Phụ lục 05 : Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu 75
6. Phụ lục 06 : Cam kết nắm giữ của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT 75
7. Phụ lục 07 : Cam kết không chuyển nhượng của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn 75
8. Phụ lục 08 : Danh sách thành viên chủ chốt và những người có liên quan 75
9. Phụ lục 09 : Giấy ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết 75
10. Phụ lục 10 : Quy trình công bố thông tin nội bộ 75
11. Phụ lục 11 : Tổng hợp quá trình tăng vốn 75
12. Phụ lục 12 : Tổng hợp quá trình mua bán cổ phiếu quỹ 75
13. Phụ lục 13 : Đề nghị cấp mã chứng khoán 75
14. Phụ lục 14 : Ủy quyền cho BVSC làm việc với Sở GDCK. 75
15. Phụ lục 15 : Cam kết niêm yết tại SGDCK TP.HCM 75
16. Phụ lục 16 : Cam kết thực hiện Quy chế Quản trị Công ty 75
17. Phụ lục 17 : Quy chế quản trị Công ty 75
18. Phụ lục 18 : Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009 75
19. Phụ lục 19 : Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua hồ sơ niêm yết 76
20. Phụ lục 20 : Sơ yếu lý lịch của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT. 76
21. Phụ lục 21 : Sổ theo dõi cổ đông 76
22. Phụ lục 22 : Hợp đồng tư vấn 76
23. Phụ lục 23: Các hồ sơ pháp lý khác 76

I. NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế.

Những biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô luôn có những tác động rất lớn đối với các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong hoạt động kinh doanh khai thác đá, cũng như những doanh nghiệp khác, NNC chịu nhiều tác động bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát…

- Tác động của tăng trưởng kinh tế

Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định: năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 là 8,2% và năm 2007 là 8,5%, tuy nhiên năm 2008 và 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt lần lượt là 6,23% và 5,32%. Năm 2010 cũng được đánh giá là năm khó khăn đối với kinh tế thế giới nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể tạm thời chững lại gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, những khó khăn của nền kinh tế sẽ sớm được khắc phục, kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ sớm phục hồi và có tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo. Niềm tin lạc quan về sự phát triển của nền kinh tế sẽ là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế từ đó cũng sẽ giúp khai thác đá xây dựng phát triển.

- Tác động của lạm phát

Sau một thời gian dài ổn định tình hình lạm phát, từ cuối 2007 đến nay Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ lạm phát ngày càng tăng cao. Theo thống kê, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2009 lên tới 6,8%. Lạm phát cao ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty: Chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút.... Tuy nhiên, lạm phát cao tại Việt Nam đã sớm được khắc phục bởi trong năm 2009 những chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt của Nhà nước. Một tỷ lệ lạm phát hợp lý sẽ là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những khó khăn, việc Việt Nam gia nhập WTO cũng giúp cho NNC thực hiện thuận tiện và dễ dàng hơn việc dành được nhiều hợp đồng lớn trong các cầu

trình giao thông có tài trợ vốn từ ngước ngoài. Với sự tăng trưởng của các nhu cầu cơ bản về xây dựng, NNC có rất nhiều cơ hội để tăng trưởng trong những năm tới.

2. Rủi ro về pháp luật.

Là Công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty.

Ngoài ra, sự thay đổi của luật pháp, quy định nhà nước có thể có những tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

Sự thay đổi trong chính sách thuế tài nguyên: Các thay đổi trong mức thuế tài nguyên áp dụng cho lĩnh vực khai thác đá hiện nay của Công ty đều làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty. Do thuế tài nguyên được coi là một khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu thuế tài nguyên được điều chỉnh tăng trong các năm tới, lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm và ngược lại.

Do thay đổi trong quản lý môi trường: Sau khi giấy phép khai thác mỏ đá Núi Nhỏ hết hạn, Công ty có trách nhiệm khôi phục điều kiện môi trường của mỏ. Nếu trong tương lai có những thay đổi trong quy hoạch, bắt buộc Công ty phải khôi phục mỏ theo một hướng khác, Công ty có thể phải chịu thêm chi phí trích trước lớn hơn hiện nay.

Ngoài ra, do hoạt động khai thác chế biến đá có gây những ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh như tình trạng bụi bẩn do nghiền đá, tiếng động do nổ mìn phá đáv.v... Nên nếu có những thay đổi trong quy định liên quan, Công ty có thể sẽ phải tăng thêm chi phí cho bảo vệ môi trường hiện nay hoặc thậm chí phải tìm mỏ mới cách xa cách khu dân cư để đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của nhà nước.

3. Rủi ro kinh doanh

Kinh doanh chính của Công ty hiện nay là khai thác mỏ và chế biến đá xây dựng. Vì vậy mỏ đá đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của Công ty. Các điều kiện

địa chất mỏ, chất lượng đá và cơ sở hạ tầng của mỏ là những yếu tố quyết định tính hiệu quả của hoạt động khai thác.

Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu khảo sát khoa học đánh giá về trữ lượng và chất lượng nhằm mục đích giảm thiểu những rủi ro. Tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể khắc phục và lường trước được hết các rủi ro trong quá trình khai thác làm tăng chi phí sản xuất của Công ty, thậm chí phải thay đổi cả công nghệ khai thác, giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận. Công ty đang nghiên cứu để đa dạng hóa nguồn doanh thu của mình bằng hình thức đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng khác.

Mặt khác, mỏ đá Núi Nhỏ đã được khai thác trên 30 năm, sau từng năm để đảm bảo công suất hoạt động, Công ty lại phải tăng thêm độ sâu khai thác. Càng xuống sâu, các điều kiện làm việc càng khó khăn. Các sự cố sạt lở đá khi nổ mìn, nước mưa ngập mỏ v.v..., nếu có sẽ làm ảnh hưởng tới an toàn lao động và gây tốn kém về chi phí lẫn thời gian khắc phục. Bên cạnh đó, mỏ đá Núi Nhỏ chỉ được cấp phép khai thác đến năm 2015. Hết thời gian này, nếu công ty không gia hạn được giấy phép thì việc khai thác đá ở khu vực này có thể bị ngừng.

4. Rủi ro liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngày 8/3/2010, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ nhận được Quyết định số 1055/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008 và năm 2009 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Số tiền truy thu thuế là 31.992.196.571 đồng, tương ứng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu cho 3 năm 2007, 2008 và 2009 là 6.964.403.866 đồng, 18.781.841.457 đồng và 6.245.951.249 đồng Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục khiếu nại về việc truy thuế thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của 02 năm 2007, 2008 cũng như phần giảm 50% của 02 năm 2009 và 2010. Tuy nhiên, để chấp hành theo tinh thần của Quyết định số 1055/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bình Dương, Công ty đã nộp số tiền truy thu nói trên vào ngân sách Nhà nước. Điều đó sẽ làm cho nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) giảm một khoản tương ứng và nội dung này sẽ được Công ty điều chỉnh và Báo cáo tài chính 2010 của Công ty nếu khiếu nại của Công ty không được chấp thuận. Chi tiết của việc truy thu thuế được trình bày trong mục 18 - Các thông tin tranh chấp, kiện tung liên quan tới công ty - của Bản cáo bạch này.

5. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Mai Văn Chánh** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông **Phạm Trọng Nhân** Chức vụ: Giám đốc

Ông **Trần Phú Cường** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Châu** Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn:

Ông **Võ Hữu Tuấn**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh TP. HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (theo Giấy ủy quyền số 91/2009/UQ-BVSC ngày 03/07/2009 của Tông Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
- NNC: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

- HĐQT: Hội đồng quản trị
- CNĐKKD: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- TGĐ: Tổng Giám đốc
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TCSĐ: Tài sản cố định
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- BHYT: Bảo hiểm y tế
- BHXH: Bảo hiểm xã hội
- BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp
- WTO: Tổ chức Thương mại Thế giới

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Cônng ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ tiền thân là một cơ sở sản xuất thủ công nhỏ do chế độ cũ để lại và được tiếp quản từ tháng 12 năm 1975 và đơn vị trực thuộc của Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (M & C) với tên gọi là Xí nghiệp khai thác đá số 3. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Công ty mẹ là Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương là sự đi lên và lớn mạnh không ngừng của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ, đến nay Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ năng lực khai thác gần 2.000.000 m^3 đá/năm.

Tháng 08/2006, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được chính thức thành lập theo Quyết định số 3556/QĐ-UBND ngày 07/08/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương trên cơ sở phê duyệt phương án cổ phần hóa và Chuyển xí nghiệp khai thác đá số 3 trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng.

NNC đã đăng ký với UBCKNN và trở thành công ty đại chúng ngày 25/06/2007.

Tháng 3/2009, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 44.965.000.000 đồng.

Tháng 11/2009, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn lên **87.681.750.000** đồng.

Tháng 01/2010, Công ty tiến hành nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ đã đạt được nhiều thành tựu, trở thành Công ty cung cấp đá có uy tín trên thị trường, được khách hàng tin tưởng. Vì vậy, NNC rất chú trọng tới việc đảm bảo chất lượng dịch vụ và tăng uy tín của Công ty.

Công ty đã xây dựng và thực hiện các quy định nghiêm ngặt về đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. NNC đã được chứng nhận chất lượng thuộc lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng và đạt chứng chỉ ISO 9001:2008 do tổ chức QUACERT chứng nhận tháng 3/2009.

2. Tổng quan về Công ty

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ
- Tên viết tắt: NNC
- Tên giao dịch: NUI NHO STONE CO-OPERATION
- Địa chỉ: DT-743, Bình Thung, Bình An, Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Logo: NNC CTCP ĐÁ NÚI NHỎ
- Điện thoại: (84-650) 3751 515 Fax: (84-650) 3751 234
- E - mail: dnn123@vnn.vn Website: www.nuinho.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 37000762471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 07/12/2009.
- Vốn điều lệ: **87.681.750.000** đồng *(Tám mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).*
- Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh:
  - Khai thác đá, đất sét gạch ngói;
  - Sản xuất ngói xi măng màu;

- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư khu du lịch sinh thái (theo quy hoạch của tỉnh).
- Khách sạn, nhà hàng.
- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Chế biến mủ cao su (không hoạt động tại trụ sở chính).

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm: 01 trụ sở chính và 01 chi nhánh.

Cụ thể như sau:

a. Trụ sở Công ty:

Địa chỉ: DT-743, Bình Thung, Bình An, Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-650) 3751 515 Fax: (84-650) 3751 234

E - mail: dnn123@vnn.vn Website: www.nuinho.vn

Hình 1: *Trụ sở Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ*

b. Chi nhánh trực thuộc:

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: (84-650) 2480 655 Fax: Không có

Hình 2: *Chi nhánh Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ tại mỏ đá Tân Lập*

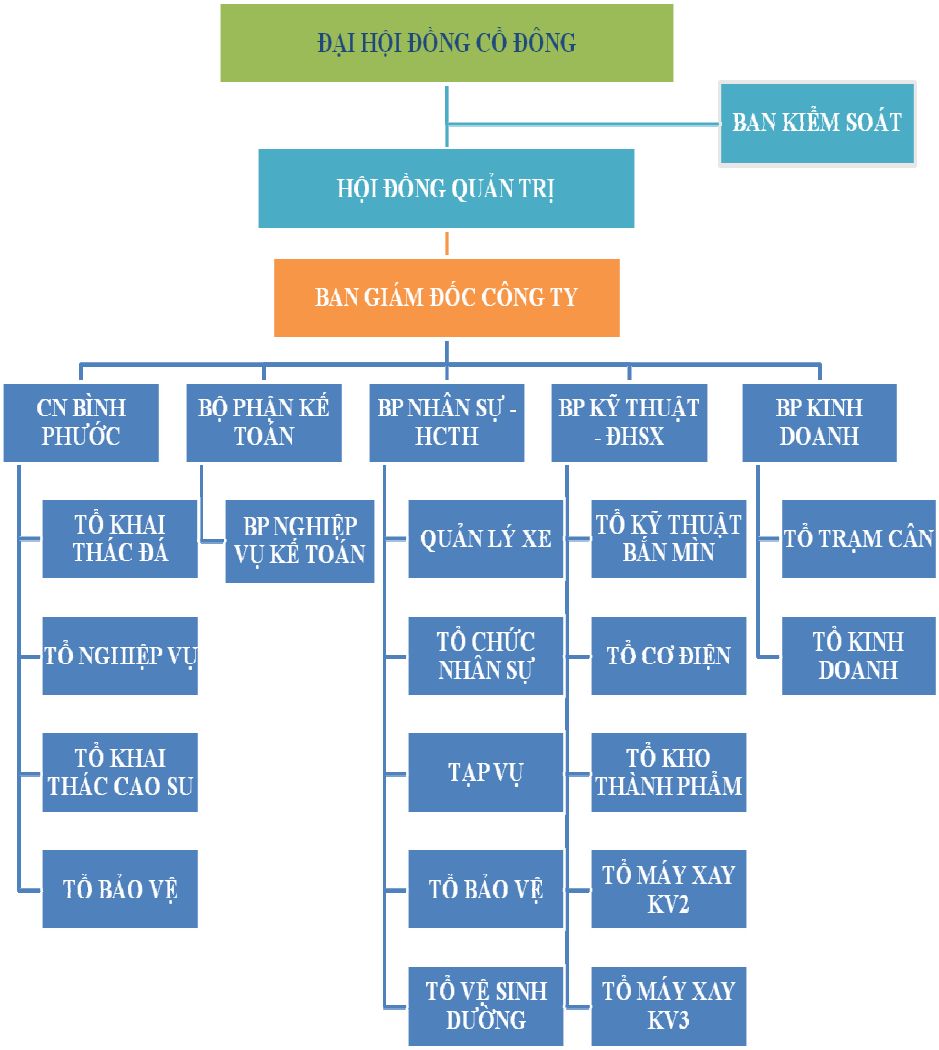

Hình 3: *Sơ đồ cơ cấu và tổ chức của Công ty NNC*

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.

b. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 3 thành viên là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ làm việc tương đương nhiệm kỳ HĐQT.

d. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc (GĐ) Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 5 năm, gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản trị.

Phó Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ cho Giám đốc hoàn thành công việc. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình trước HĐQT Công ty và pháp luật.

e. Các Phòng nghiệp vụ và chức năng nhiệm vụ

- **Phòng Hành chính - Tổng hợp**:

Phòng Hành chính - Tổng hợp đảm nhiệm công tác văn thư hành chánh như đánh máy giấy tờ hành chính; Thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý theo yêu cầu của Công ty phục vụ cho hoạt động cung ứng các điều kiện vật chất phục vụ công tác quản lý của công ty; Tổ chức các biện pháp bảo vệ tại các đơn vị và các bộ phận trong việc phòng chống cháy nổ, ô nhiễm môi trường; Tham mưu ban giám đốc về xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức Công ty; Tổ chức tuyển dụng lao động, đáp ứng yêu cầu lao động của Công ty; Quản lý, tổ chức nhân sự theo đúng luật lao động và quy định của Công ty.

- **Phòng Kinh doanh:**

Phòng Kinh doanh đảm nhiệm chức năng kinh doanh sản phẩm đá xây dựng và tham mưu cho Ban giám đốc các vấn đề về kinh doanh sản phẩm:

- Thực hiện kinh doanh sản phẩm đá xây dựng theo chỉ đạo trực tiếp từ Ban Giám Đốc.
- Tìm hiểu thông tin về nhu cầu thị trường, yêu cầu về chất lượng, giá cả, thời hạn giao hàng, phương thức giao nhận hàng và thanh toán;
- Dự thảo và lập các hợp đồng kinh tế.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, phản ánh kịp thời các sự cố, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các sự cố trong quá trình hợp đồng kể từ khi thương thảo, dự thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, thực hiện đến khi kết thúc thanh lý hợp đồng.
- Soạn thảo hợp đồng bán hàng.
- Theo dõi thực hiện và phối hợp bộ phận kế toán trong việc thanh lý hợp đồng.
- Phối hợp với tổ trạm cân thực hiện bán hàng, giao hàng cho khách hàng.
- Tổ chức giới thiệu Công ty thông qua các hình thức chào hàng, quảng cáo, tham gia hội chợ triển lãm, thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm…
- Phối hợp với bộ phận kỹ thuật - điều hành sản xuất theo dõi tiến độ sản xuất, điều xuất hàng cho phù hợp với tình hình kinh doanh.

Phòng Tài chính Kế toán:

Phòng Tài chính kế toán tham mưu cho HĐQT và GĐ về công tác điều hành trong lĩnh vực tài chính; tổ chức hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kinh tế và quản lý tài chính, tài sản theo đúng chế độ của Nhà nước; xây dựng hệ thống kế toán từ Công ty xuống các đơn vị trực thuộc, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ở các cơ sở; lập kế hoạch tài chính của Công ty theo định kỳ; phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ theo dõi việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế; quản lý và tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ; lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu kế toán theo quy định.

Phòng Kỹ thuật - Điều hành sản xuất:

- Tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đúng tiến độ cho các yêu cầu sản xuất và các yêu cầu khác của Công ty.
- Tổ chức triển khai sản xuất theo các yêu cầu của hợp đồng - đơn đặt hàng thông qua kế hoạch sản xuất được Ban giám đốc duyệt thực hiện.
- Tổ chức công tác kiểm soát và quản lý các kho bãi của Công ty.

- Quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm soát và đánh giá chất lượng vật tư, thiết bị sản xuất phù hợp nhu cầu sử dụng.
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu kỹ thuật sản xuất.
- Đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, triển khai sản xuất sản phẩm mới.
- Huấn luyện, nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, công nhân.
- Tham mưu Ban giám đốc các vấn đề liên quan kỹ thuật và các vấn đề về tổ chức hoạt động sản xuất.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (vào thời điểm 31/03/2010)**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số Giấy CNĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	DT 743, Xã Bình Thắng, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	4606000005	2.698.340	30,77
Đại diện:					
	Ông Mai Văn Chánh	20/5 Ấp Trung Thắng, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương	280880610	1.349.170	15,39
	Ông Phạm Tuấn Kiệt	1/19 Khu Phố Bình Minh, Thị trấn Dĩ An, Huyện Dĩ An, Bình Dương	280425679	1.349.170	15,38
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất giày Thái Bình	Số 5A, xa lộ Xuyên Á, Xã An Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	4603000164	1.388.220	15,83
3	PXP Vietnam Fund Ltd.	Lầu 6, Opera View Building, 161 Đồng Khởi, Q1, TP.HCM	CD-152440	591.740	6,75

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ *(ngàn cp)*	Tỷ lệ %	Số CMND hoặc số GCNĐKKD
1	Công ty Vật liệu & xây dựng Bình Dương *Đại diện:* Ông Mai Văn Chánh Ông Phạm Trọng Nhân	ĐT 743, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	2.698,34	30,77	4606000005
2	Ông Mai Văn Chánh	20/5 Ấp Trung Thắng, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương	118,34	1,35	280880610

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ *(ngàn cp)*	Tỷ lệ %	Số CMND hoặc số GCNĐKKD
3	Ông Trần Minh Tâm	36/14 Tổ 2, P. Linh Xuân, Thủ Đức, TP.HCM	286,32	3,27	28038755
4	Ông Nguyễn Văn Chối	223A Ap Tân Phước,Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương	6,62	0,08	021370840
5	Ông Đoàn Văn Kình	425/C1 Ap Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	36,04	0,41	280436955

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: " Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông". Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

❖ **Cơ cấu cổ đông (vào thời điểm 19/04/2010) :**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
1	**Trong nước**	**225**	**7.904.428**	**84,8**
	Tổ chức	11	4.688.992	53,5
	Cá nhân	214	2.745.171	31,3
2	**Nước ngoài**	**11**	**1.109.187**	**12.7**
	Tổ chức	03	863.747	9,9
	Cá nhân	09	245.440	2,8
3	**Cổ phiếu quỹ**	**01**	**224.825**	**2,6**
	Tổng cộng	**237**	**8.768.175**	**100**

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

a. Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết: Không có

b. Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty khác: Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của NNC

- Đá xây dựng:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là khai thác và chế biến đá các loại.

Hiện nay, công ty đang tiến hành khai thác đá ở hai mỏ là mỏ Núi Nhỏ (Dĩ An, Bình Dương) và mỏ Tân Lập (Tân Lập, Bình Phước), trong đó mỏ Núi Nhỏ là địa bàn khai thác và kinh doanh chính, mỏ Tân Lập đang hoạt động và được khai thác theo đơn đặt hàng của khách hàng ở trong địa bàn tỉnh Bình Phước.

Về trữ lượng thì do các quy định hiện hành, việc khai thác sau khi đạt đến độ sâu nhất định phải dừng khai thác và tiến hành hoàn thổ. Đối với mỏ hiện đang khai thác, theo giấy phép được cấp, Công ty được khai thác đến năm 2015. Hiện công ty đang tiến hành thăm dò, tìm kiếm các mỏ khác để có thể thay thế và mở rộng năng lực khai thác, kinh doanh.

Mỏ Núi Nhỏ có vị trí thuận lợi cả về đường bộ lẫn đường thủy, nằm sát cảng nước Bình An và gần quốc lộ 1A nên có có được nhiều ưu thế trong cung cấp đá cho khác hàng. Mỏ được khai thác trong diện tích 28 ha, trữ lượng địa chất theo báo cáo thăm dò năm 2009 là 19 triệu m^3. Năm 2009, Công ty đã khai thác mỏ với công suất là 1.700.000 $m^{3/}$năm. Theo kế hoạch mới, từ 2010, công suất khai thác trung bình sẽ đạt ít nhất 1.800.000 m^3/năm và khai thác đến hết thời điểm năm 2015. Để tối ưu hóa nguồn mỏ khai thác, Công ty sẽ phải mở rộng diện tích khai thác và hiện nay đã được mở rộng quy mô khai thác thêm 43 ha theo phương án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã phê duyệt.

Mỏ Tân Lập được khai thác trong diện tích 55 ha, thời hạn 30 năm từ năm 2001 cho đến năm 2030. Trữ lượng đá ở mỏ này khoảng hơn 17 triệu m^3.

Đá tại Mỏ Núi Nhỏ là đá phun trào andezit và đá trầm tích, thuộc loại tốt so với các khu vực mỏ đá lân cận. Đá có độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích xốp, độ nén dập trong xi lanh, độ mài mòn trong tăng quay, hàm lượng tạp chất hữu

cơ và hàm lượng hạt thoi dệt rất thấp. Đá này được sử dụng tốt cho xây dựng các công trình dân dụng và các công trình trọng điểm trong khu vực.

Một số sản phẩm đá xây dựng tiêu biểu của NNC:

Các loại đá xây dựng		
Đá 1 x 2 cm		Đá dùng để bê tông xây nhà và các công trình dân dụng, cầu đường v.v… Quy cách sản phẩm: 10 - 38 mm. Sai số cho phép: 2% Đây là loại đá không lẫn tạp chất, khác màu
Đá 3 x 8 cm (Đá mi sàng)		Đá đúc móng nền, lót tường Quy cách sản phẩm: 3 - 20 mm Sai số cho phép: 5%
Đá 4 x 6 cm		Đá đúc móng nền, lót tường Quy cách sản phẩm: 35 - 100 mm Sai số cho phép: 5%
Đá 5 x 7 cm		Đá đúc móng nền, lót tường Quy cách sản phẩm: 40 - 120 mm. Sai số cho phép: 5%

Các loại đá xây dựng		
Đá hộc máy (20 ~ 30 cm)		Đổ bê tông, lát mặt đường, san lấp mặt bằng. Quy cách sản phẩm: 100 - 350 mm. Sai số cho phép: 2%

Một số hình ảnh trong hoạt động khai thác đá của Công ty:

- Sản xuất ngói xi măng màu

Các sản phẩm ngói xi măng màu được Công ty sản xuất và kinh doanh từ cuối 2005. Dây chuyên sản xuất ngói xi măng màu với công suất thiết kế khoảng 5.000 viên/tháng (loại trung bình) được đặt tại Tân Ba, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, đến cuối năm 2007, do tính không hiệu quả mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty đã quyết định ngừng dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu và đem thanh lý.

- Chế biến mủ cao su

Mủ cao su được khai thác tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tại chi nhánh Bình Phước của công ty trên khuôn viên khai thác đá xây dựng. Khuôn viên rừng cao su ở Tân Lập hiện có khoảng 30 ha, chiếm 60% trong tổng diện tích khai thác sản phẩm ở chi nhánh Tân Lập của công ty. Sản phẩm mủ cao su bắt đầu mang lại doanh thu cho Công ty từ năm 2007 với tỷ trọng

doanh thu còn rất khiêm tốn với khoảng 0.3% trong tổng doanh thu. Khi hoạt động khai thác đá được mở rộng thì diện tích khai thác cây cao su sẽ buộc phải thu hẹp lại.

- Các sản phẩm, dịch vụ khác

Các sản phẩm như đất đầu, đất phún có được từ công đoạn dọn bãi khoan và các lớp tầng phủ trong khai thác đá cũng công ty tận dụng bán ra ngoài để bổ sung vào doanh thu. Tuy nhiên, doanh thu từ các hoạt động này còn chiếm tỷ trọng rất thấp (chưa đến 1 %) trong tỷ trọng doanh thu.

7.2 Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng nhóm sản phẩm dịch vụ

a. Sản lượng

Sản lượng tiêu thụ của một số đá thành phẩm chủ yếu của Công ty trong các năm vừa qua như sau:

Đơn vị tính: tấn

Loại đá	2006	2007	2008	2009
Đá 0 x 4 cm	101,822.90	1,089,607.35	780,054.25	776,763.15
Đá 1 x 2 cm	54,073.77	671,771.29	672,472.30	786,605.54
Đá 4 x 6 cm	25,069.38	169,899.19	114,736.30	164,698.60
Đá 5 x 7 cm	22,428.17	242,367.11	156,400.37	167,080.87
Đá mi bụi	4,433.22	98,742.02	141,689.99	176,947.40
Đá hộc máy	2,313.04	108,268.75	121,598.37	143,199.38
Đá hộc hỗn hợp	33,388.80	478,658.34	379,960.40	497,151.25
Các loại đá khác	2,947.52	40,593.76	26,456.33	30,309.51
Tổng cộng	**246,476.80**	**2,899,907.81**	**2,393,368.31**	**2,742,755.70**

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ đá trong các năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đá NúiNhỏ)

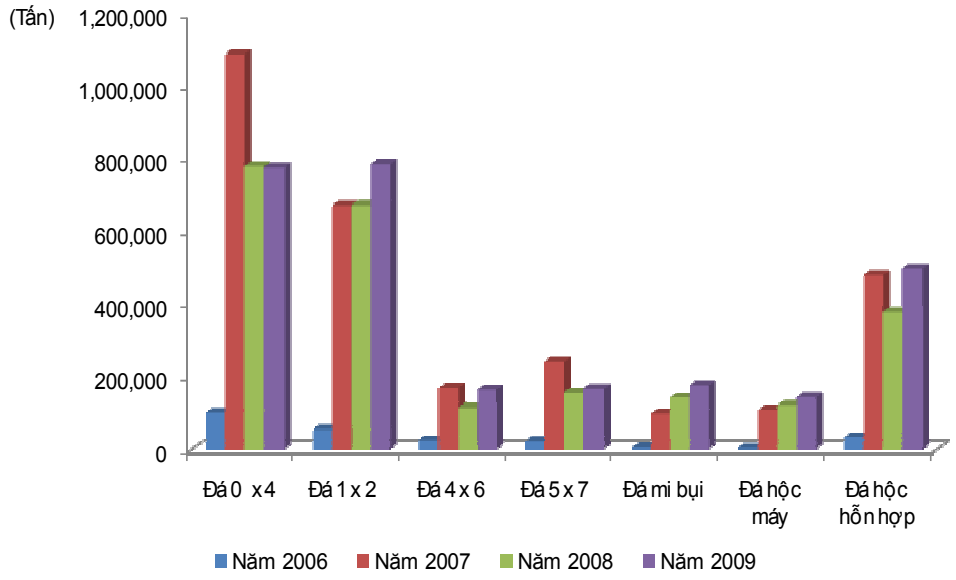

Biểu đồ 1: Tổng sản lượng đá qua các năm của Công ty.

Sản lượng đá tăng mạnh vào năm 2007 do nhu cầu bùng nổ về xây dựng và bất động sản vào thời điểm này. Đến 2008, sản lượng tiêu thụ giảm so với năm 2007 chủ yếu do sản lượng khai thác trong năm không đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do là do trong năm 2008 nguyên vật liệu nổ nhà cung cấp không thực hiện đủ theo hợp đồng, bên cạnh đó do độ sâu khai thác của mỏ không còn nhiều, nhiều nơi cũng vượt quá độ sâu cho phép, nên diện tích mở rộng không còn nhiều để thực hiện việc khai thác. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ năm 2009 đã cải thiện nhiều hơn nhờ vào sự ấm lên của thị trường bất động sản và ngành công nghiệp xây dựng trong năm.

b. Giá trị doanh thu

Cơ cấu doanh thu năm 2008, 2009 và quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ hoạt động khai thác đá	162.436.007.876	96,72	207.838.800.387	96.75	48.270.119.277	96,35
Doanh thu từ bán hàng hóa	1.227.157.756	0,73	1.045.492.127	0,49	169.171.271	0,34
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.275.875.846	2,55	5.938.097.935	2,76	1.660.280.386	3,31
Tổng DT thuần	**167.939.041.487**	**100**	**214.822.390.449**	**100**	**50.099.570.934**	**100**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán QI/2010

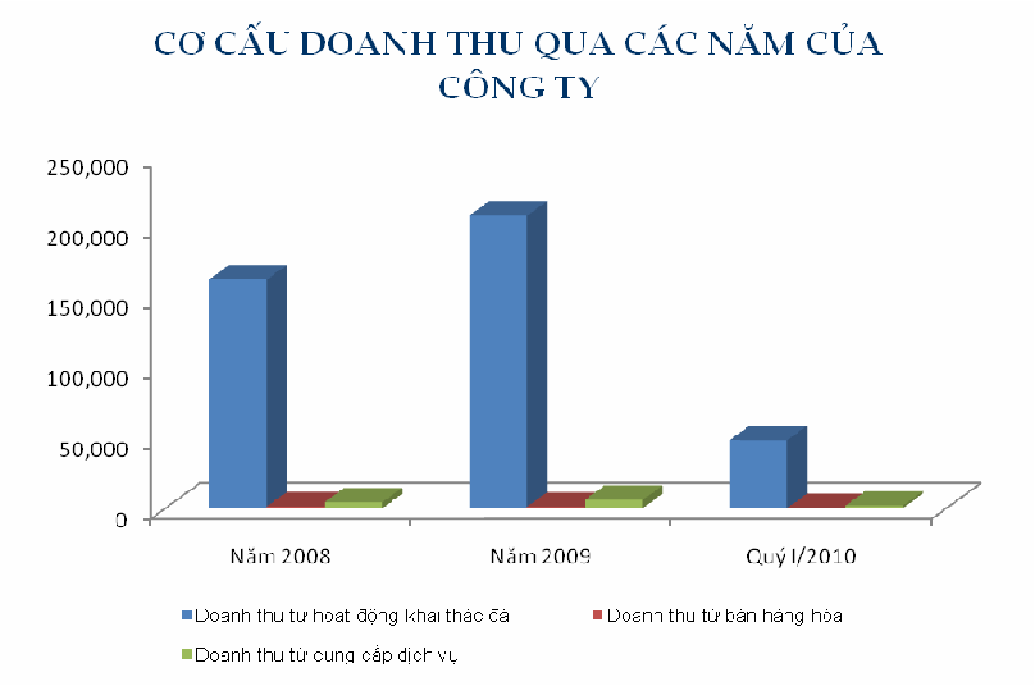

Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu qua các năm của Công ty

Cơ cấu chi phí (giá vốn hàng bán) năm 2008, 2009 và quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Chi phí	Tỷ trọng (%)	Chi phí	Tỷ trọng (%)	Chi phí	Tỷ trọng (%)
Hoạt động khai thác đá	98.006.128.893	96,31	116.046.974.884	96,08	26.372.294.518	95,11
Bán hàng hóa	837.179.858	0,82	709.278.301	0,59	125.326.394	0,45
Cung cấp dịch vụ	2.917.047.210	2,87	4.028.499.028	3,34	1.229.978.071	4,44
Chi phí	**101.760.355.961**	**100**	**120.784.752.213**	**100**	**27.727.598.983**	**100**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán QI/2010

Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 và quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm/Dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Lợi nhuận	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận	Tỷ trọng (%)
Hoạt động khai thác đá	64.429.878.983	97,36	91.791.825.503	97,61	21.897.824.759	97,88

Bán hàng hóa	389.977.907	0,59	336.213.826	0,36	43.844.877	0,20
Cung cấp dịch vụ	1.358.828.636	2,05	1.909.598.907	2,03	430.302.315	1,92
LN gộp	**66.178.685.526**	**100**	**94.037.638.236**	**100**	**22.371.971.951**	**100**
Tỷ lệ LN gộp/doanh thu	**39.41%**		**43.29%**		**44.66%**	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán QI/2010

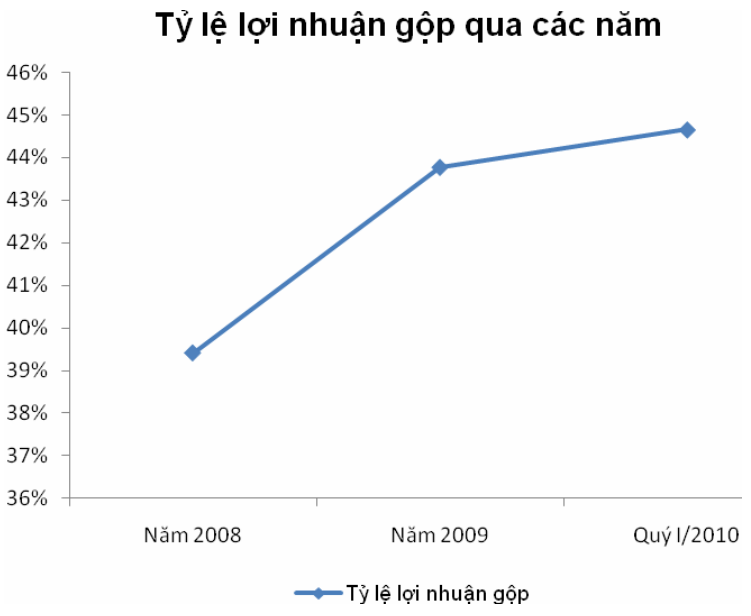

Biểu đồ 3: Tỷ lệ lợi nhuận gộp qua các năm của Công ty

Kinh doanh hoạt động khai thác đá vẫn là hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty trong thời gian vừa qua. Mảng bán hàng hóa không mang lại doanh thu cao nhưng cũng đóng góp một phần vào lợi nhuận của Công ty. Đối với mảng cung cấp dịch vụ, doanh thu chủ yếu từ tiền điện, cho thuê mặt bằng và tài sản cố định, đây là mảng hoạt động mới nên trong thời gian tới, dự kiến doanh thu mảng này sẽ gia tăng.

Năm 2009, hoạt động kinh doanh của NNC có sự tăng trưởng cao. Doanh thu đạt 113,4% so với kế hoạch năm và bằng 127,9% so với thực hiện năm 2008. Trong năm 2009, kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hồi phục sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008. Vì vậy, tình hình kinh doanh của NNC cũng có nhiều thuận lợi và tăng trưởng mạnh.

Giá bán trung bình hằng năm cũng tăng 5 - 8%/năm làm cho doanh thu và biên lợi nhuận gộp tăng trưởng tốt qua các năm. Đặc biệt, trong năm 2009, với việc

tăng giá nguyên vật liệu đầu vào và sự sụt giảm trong sản lượng khai thác so với kế hoạch, Công ty buộc phải tăng giá bán vào cuối năm lên 44% (đá 1 x 2 cm) so với giá bán thời điểm đầu năm 2008, trong khi đó mức tăng giá bán cao hơn mức tăng giá của nguyên đầu vào khoảng 5% càng đẩy doanh thu và lợi nhuận cả năm 2009 tăng trưởng tốt hơn.

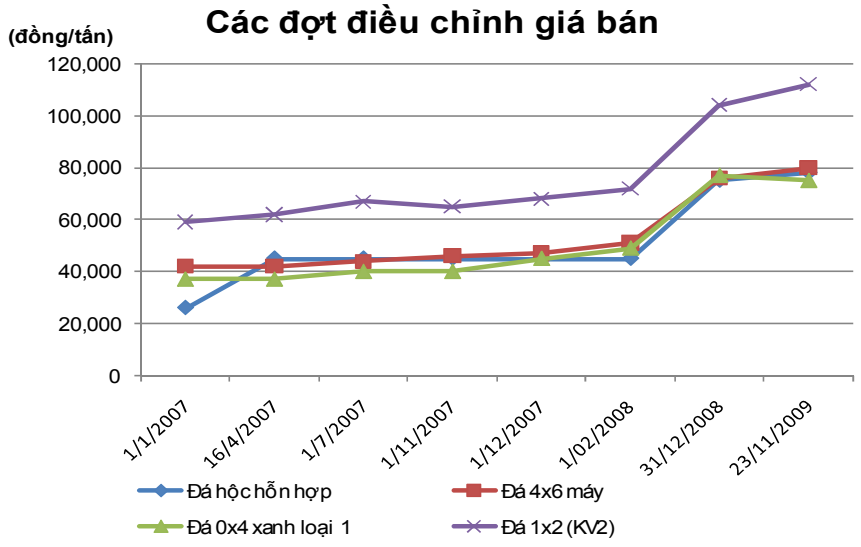

Biểu đồ 4: Các đợt điều chỉnh giá bán của công ty qua các năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ)

7.3 Nguyên vật liệu

a. Các nguyên vật liệu chính

Ngoài nguồn mỏ phục vụ khai thác đã trình bày ở các phần trên, hai loại nguyên vật liệu, công cụ lao động chính được dùng trong khai thác và chế biến đá xây dựng được trình bày sau đây:

Thuốc nổ: Các loại vật liệu nổ do một số doanh nghiệp thuộc quản lý của Nhà nước sản xuất kinh doanh và quản lý rất chặt chẽ nên nguồn cung khá ổn định.

Công ty hiện đang sử dụng loại thuốc nổ nhũ tương NT13, ANFO thay thế cho thuốc nổ TNT và AĐ1. Các loại thốc nổ NT13, ANFO đã được Sở Công nghiệp và Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Dương cho phép sử dụng do ít gây ô nhiễm môi trường và độ chấn động thấp hơn TNT và AĐ1.

Công ty vật tư Công nghiệp quốc phòng (Bộ Quốc Phòng) và Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp hóa chất mỏ tại Đồng Nai là hai nhà cung cấp thuốc nổ chính cho Công ty. Lượng thuốc nổ tiêu thụ bình quân hàng năm của Công ty khoảng 500 tấn.

Máy móc thiết bị:

Máy móc trang thiết bị được sử dụng tại mỏ đá Núi Nhỏ có hai dạng nguồn gốc: máy của các đơn vị gia công thuê ngoài và máy móc của Công ty. Bao gồm các loại máy móc sau: Máy khoan, xe đập đá, xe đào, xe xúc, xe vận chuyển, máy xay.

Việc sử dụng trang thiết bị máy móc của các đơn vị thuê gia công là nằm trong chủ trương và chiến lược kinh doanh của Công ty. Điều này cho phép Công ty nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh vì không phải Công ty không phải tiến hành đầu tư thêm nhiều máy móc, có thể hạn chế được sự lãng phí công suất khi nhu cầu thị trường giảm và có thể nhanh chóng gia tăng công suất khi nhu cầu tăng. Ngoài ra việc sử dụng máy móc của đơn vị nhận khoán cũng làm đơn giản hóa công tác quản lý máy móc thiết bị, đồng thời chuyển trách nhiệm bảo quản và duy tu cho các đơn vị này. Đơn vị cung cấp dịch vụ nhận khoán hiện nay là Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp, Công ty TNHH Trung Thắng, DNTN Hà Tiên,...

Máy móc trang thiết bị của các đơn vị nhận khoán hiện đóng góp lên đến khoảng 95% năng lực sản xuất của Công ty, bao gồm đầy đủ các chủng loại phục vụ cho việc khai thác mỏ và chế biến đá. Các máy móc trang thiết bị của Công ty hiện nay chỉ chiếm khoảng 5% năng lực sản xuất của mỏ.

Tên máy móc thiết bị	Quy cách	Sản lượng thiết kế cho công suất 1.700.000 m^3/năm (m^3)	Sản lượng năm/máy (m^3)	Số lượng
Máy khoan	1m khoan = 16 m^3	106.250	8.400	13
Xe đập đá	Tỷ lệ đá quá cỡ 20%	340.000	72.000	5
Xe đào	1,4 - 1,6 m^3 /gầu	1.700.000	144.000	12
Xe xúc	30% đá dời các loại	1.846.000	144.000	13
Xe vận chuyển	10 - 12 m^3	1.700.000	41.000	41
Máy xay	150 tấn/giờ	1.700.000	156.000	11

Bảng 2: Nguồn lực máy móc bị phục vụ sản xuất của Công ty trong năm 2009 *(Nguồn: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ)*

b. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Công ty ký kết hợp đồng cả năm với nhà cung ứng dựa trên khảo sát nhu cầu và đánh giá tình hình thị trường vào đầu niên vụ. Trong trường hợp có sự thay đổi về giá, nhà cung ứng sẽ thông báo cho Công ty và hai bên cùng bàn bạc thống nhất để điều chỉnh giá phù hợp và chủ động điều chỉnh trước khi nhập hàng hóa. Do đặc thù rủi ro của nguyên vật liệu nổ, Nhà nước quy định chỉ có hai nhà cung cấp thuốc nổ là Công ty vật tư Công nghiệp quốc phòng (Bộ Quốc Phòng) và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp hóa chất mỏ tại Đồng Nai.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Giá cả của nguyên vật liệu thay đổi cũng sẽ có tác động đến doanh số và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm qua, giá những nguyên liệu và sản phẩm từ các nhà cung cấp luôn được ổn định trong cả năm. Sự biến động giá của các nhà cung cấp nếu thay đổi thường được thay đổi sẽ được báo trước ít nhất 03 tháng, trừ khi có sự biến động quá lớn của thị trường thế giới, nên chính sách giá bán của Công ty đã có sự điều chỉnh phù hợp.

Trong thời gian vừa qua, đơn giá nguyên vật liệu nổ biến động khá nhiều theo chiều hướng tăng ổn định khoảng 10%/năm. Đặc biệt giá nguyên vật liệu nổ tăng mạnh vào giữa năm 2008 do khan hiếm hàng trong thời gian này vì đơn vị cung cấp cũng bị ảnh hưởng từ nguồn nhập khẩu từ Trung Quốc, có nguyên liệu nổ tăng đến 73% như thuốc nỗ nhũ tương NT13 tăng từ 17.493 đồng/kg vào tháng 1/2008 đến 30.870 đồng/kg vào tháng 6/2008. Tỷ trọng nguyên vật liệu nổ chiếm đến 13-15%/m^3 trong giá vốn hàng hóa, do đó ảnh hưởng đến tỷ lệ lợi nhuận gộp biên. Dưới đây là biến động của một số nguyên vật liệu nổ chính được sử dụng trong quá trình khai thác đá trong thời gian vừa qua:

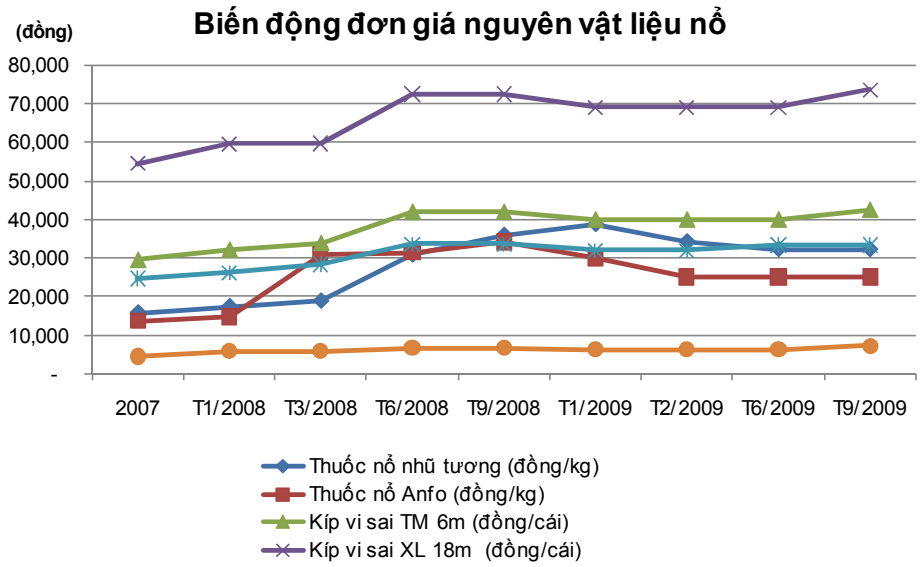

Biểu đồ 5: Biến động đơn giá nguyên vật liệu nổ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ)

7.4 Chi phí sản xuất

Thay đổi trong chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Số tiền	+/- so với DTT (%)	Số tiền	+/- so với DTT (%)	Số tiền	+/- so với DTT (%)
Giá vốn hàng bán	101.760.355.961	60,59	120,784,752,213	56,23	27,727,598,983	55,34
Chi phí bán hàng	2.471.191.604	1,47	2,835,271,873	1,32	333,163,082	0,67
Chi phí quản lý	5.240.850.218	3,12	4,348,654,513	2,02	977,745,123	1,95
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**109.472.397.783**	**65,19**	**109.472.397.783**	**59,57**	**89.873.016.636**	**57,96**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán QI/2010

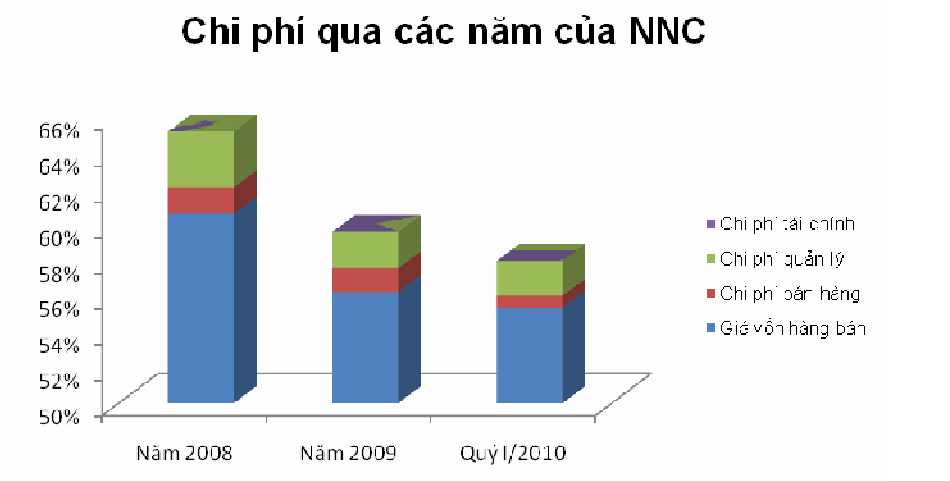

Biểu đồ 6: Chi phí qua các năm của Công ty

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 và kéo dài đến năm đã tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam cũng như các doanh nghiệp. Tuy nhiên, bằng việc kiểm soát chi phí một cách hiệu quả, tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty trong năm 2009 và quý I/2010 đã giảm so với so với năm 2008. Bên cạnh đó, tỷ trọng chi phí hoạt động kinh doanh so với doanh thu thuần 2009 lại giảm so với năm 2008 là do Công ty đã kiểm soát được chi phí quản lý một cách hiệu quả. Tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu giảm so với tỷ lệ này trong năm 2008 chủ yếu nhờ việc hạch toán các sản phẩm hàng tồn kho thừa do chênh lệch giữa việc quy đổi đơn vị tính hàng tồn kho (m^3) và hàng xuất kho (tấn) mang lại, với giá trị là 2.406.242.516 đồng.

Năm 2009, nền kinh tế đang trên đà phát triển trở lại sau thời kỳ khủng hoảng, chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty có xu hướng giảm. Trong khi doanh thu tăng và bằng 127,9% so với năm 2008, tuy giá vốn hàng bán tăng và bằng 118, 7% so với năm 2008 nhưng mức giảm nhiều nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm 17% so với năm 2008, do đó chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2009 chỉ chiếm tỷ trọng 56,33% so với doanh thu thuần. Tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu giảm so với tỷ lệ này trong năm 2008 chủ yếu do mức độ tăng giá bán cao hơn so với mức tăng của chi phí nguyên vật liệu đầu và chi phí dịch vụ thuê gia công.

7.5 Trình độ công nghệ

Công nghệ khai thác đá của các doanh nghiệp Việt nam hiện nay chủ yếu dựa trên công nghệ của Nga và Ucraina, Mỹ, Nhật các máy móc thiết bị đều được nhập từ các nước trên và được gia công cơ khí lại cho phù hợp với điều kiện địa chất và môi trường nước ta. Hiện máy xay, chế biến đá của Công ty đều đạt công suất từ 150 tấn/giờ đến 400 tấn/giờ và đều là máy mới mua sắm nên khi so sánh với các đơn vị cùng ngành trên địa bàn thì có thể nói trình độ công nghệ của Công ty đứng vào tốp các doanh nghiệp dẫn đầu hiện nay.

Quy trình công nghệ khai thác và chế biến đá xây dựng theo trình tự như sau:

- Bóc đất tầng phủ, dọn bãi khoan phủ và xử lý đá mồ côi;
- Khoan nổ mìn phá đá;
- Xúc bốc vận chuyển đá tới trạm nghiền sàng;
- Nghiền sàng đá;
- Xuất đá cho khách hàng.

Bóc đất phủ, don bãi khoan và xử lý đá mồ côi: Lớp đất phủ trong khu vực đang khai thác biến đổi từ 1 - 2 m, phần chưa khai thác lớp đất phủ biến đổi từ 3 - 6 m. Dùng máy xúc bánh xích thủy lực 1,4 - 1,6 m^3/gầu và ô tô vận tải chuyển đất ra bãi thải hoặc các khu vực cần san lấp mặt bằng. Lớp đá phong hóa nhẹ từ 0,5 - 1 m, dùng máy khoan nhỏ BK5 Φ102mm, khoan bắn mìn, xúc đổ đi cùng đất phủ. Sau đó, dùng xe đào trọng tải 1, 4 - 1,6 m^3/gầu xúc đá lên để xe chở đi. Hiện nay tầng phủ và lớp đá phong hóa hầu như không còn nữa.

Khoan nổ mìn phá đá: Công việc bao gồm khoan lớn bằng búa khoan thủy lực XL 635, CHD 901 và PMK4 đường kính lỗ khoan từ Φ102mm đến Φ105mm, sau đó nổ mìn lớn, khoan nhỏ hoặc phá đá quá cỡ bằng búa đập đá thủy lực và mô chân tầng kích nổ bằng kíp điện vi sai. Hiệu quả phá đá hữu ích là lớn hơn 16 m^3/1m khoan đối với khoan lớn. Khoảng 20% đá quá cỡ còn được xử lý bằng búa đập và máy khoan nhỏ Φ45mm.

Xúc bốc vân chuyển đá tới tram nghiền sàng: Sử dụng các máy xúc bánh xích thủy lực công suất từ 1,4 - 1,6m^3/gầu trở lên, xe vận chuyển tự đổ với trọng tải 10 - 12 m^3 chuyển đá tới trạm nghiền sàng.

Nghiền sàng đá: Đá hỗn hợp được các băng tải cấp liệu đưa lên hàm nghiền và cối côn, tại đó đá được nghiền ra các kích cỡ và sàng lọc rồi đổ xuống các bãi chứa đá theo từng kích cỡ qui định. Đá không đúng kích cỡ được sàng giữ lại

và theo hệ thống băng chuyền quay trở lại nghiền côn, nghiền lại lần hai. Công ty hiện có các loại máy nghiền sàng như sau, là tài sản công ty và thuê ngoài để phục vụ sản xuất: máy nghiền PDSU (7 máy), công suất thiết kế 150 tấn/giờ; máy nghiền PDSU 200 (3 máy), công suất thiết kế 200 tấn/giờ; 1 máy nghiền công suất lớn 400 tấn/giờ. Bãi chứa đá nằm cạnh các trạm nghiền sàng. Hiện tại mỏ đá có 2 hầm được gia cố bằng bê tông mác cao, chịu được tải trọng máy xúc bánh lốp 2,5m^3/gầu, xe vận chuyển trọng tải 12 - 16 tấn. Nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty đã xây dựng 1 trạm rửa xe cho khách hàng. Các máy xay nghiền đều được lắp đặt hệ thống phun sương để giảm ô nhiễm.

Xuất đá cho khách hàng: Máy xúc bánh lốp 1,5 - 2,5m^3/gầu xúc đá thành phẩm lên xe tải của khách hàng. Sau đó xe được đưa qua trạm cân để kiểm tra trọng lượng. Trung bình mỗi ngày có hơn 500 xe khách hàng vào mua đá các loại.

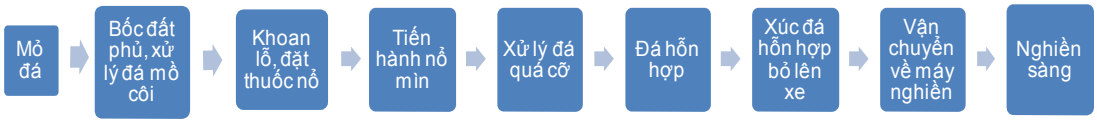

Biểu đồ 6: Sơ đồ quy trình khai thác và sản xuất đá của NNC

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty chú trọng đến việc nghiên cứu, phát triển các giải pháp kỹ thuật khai thác và chế biến đá. Nhờ đó Công ty luôn sử dụng triệt để nguồn tài nguyên khoáng sản và hiệu quả sản xuất hàng năm của Công ty luôn đạt ở mức khá cao. Sản phẩm cung ứng cho thị trường luôn đạt chất lượng và luôn luôn được sự tín nhiệm của khách hàng.

Trong tương lai, Công ty tích cực tìm kiếm các mỏ đá và đất để đầu tư khai thác khi mỏ đá Núi Nhỏ không được gia hạn giấy phép khai thác (sau năm 2015). Ngoài ra, Công ty còn phải xây dựng các phương án sử dụng đất khu vực khai thác mỏ có hiệu quả nhất sau khi đóng cửa mỏ

7.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

NNC nhận thức rõ uy tín và chất lượng sản phẩm là những yếu tố quan trọng hàng đầu trong kinh doanh hiện nay nhằm duy trì và mở rộng thị phần. Vì vậy việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ được thực hiện một cách nghiêm túc. Công ty đã được tổ chức QUACERT cấp chứng chỉ ISO 9001:2000 vào

2009, có giá trị từ tháng 3/2009 đến 3/2012. Đây là chứng chỉ chất lượng đảm bảo mọi công đoạn trong quy trình công việc của NNC đều được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định, hạn chế tối đa mọi sai sót dẫn đến thiệt hại cho khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty: Công ty luôn quan tâm đến chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường. Ngoài ra do yêu cầu của khách hàng, công ty phải thường xuyên lấy mẫu gửi trung tâm kiểm tra chất lượng và gửi cho khách hàng.

7.8 Hoạt động Marketing

Hiện nay, sản phẩm đá của Công ty cung cấp hầu hết cho các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Bộ phận kinh doanh của Công ty không ngừng nghiên cứu và phát triển mạng lưới kinh doanh, luôn nắm bắt thị trường và các công trình xây dựng lớn, sắp tới Công ty sẽ mở thêm văn phòng đại diện ở khu vực miền Tây.

Hoạt động marketing luôn được chú trọng thực hiện và phát triển đối với các Công ty thương mại như NNC với mục tiêu phát triển thương hiệu và tăng thị phần. NNC có đội ngũ nhân viên marketing chuyên nghiệp, ở các chi nhánh và đại lý trên khắp địa bàn TP.Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ, với nhiệm vụ duy trì và phát triển hệ thống phân phối, và chăm sóc khác hàng.

7.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty:

NNC
CTCP ĐÁ NÚI NHỎ

7.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2010.

TT	Số HĐ	Ngày ký kết HĐ	Đối tác	Địa bàn	Giá trị hợp đồng
1	13	02/01/2010	Công ty CP XDVT Hoàng Ngân	TP.HCM	1.986.600.000
2	03	02/01/2010	Công ty TNHH VT Nghiêm Minh	TP.HCM	1.968.600.000

TT	Số HĐ	Ngày ký kết HĐ	Đối tác	Địa bàn	Giá trị hợp đồng
3	09	02/01/2010	Công ty CTGT Đô Thị và quản lý Nhà Thủ Đức	TP.HCM	1.775.400.000
4	16	02/01/2010	DNTN TM Phú Thành	TP.HCM	2.217.600.000
5	11	02/01/2010	Công ty TNHH TM-DV VT Phước Thành	TP.HCM	1.968.600.000
6	12	02/01/2010	Công ty Cổ phần Thiên Đại Phát	TP.HCM	1.968.600.000
7	04	02/01/2010	Hợp tác xã Hợp Lực	Bình Dương	1.564.200.000
8	15	02/01/2010	Công ty TNHH XD Cầu Đường Đại Việt	Đồng Nai	1.775.400.000
9	19	02/01/2010	Công ty TNHH Xây dựng Nam Hưng	Đồng Nai	1.986.600.000
10	06	02/01/2010	DNTN Điền Phát	TP.HCM	1.775.400.000
11	17	02/01/2010	DNTN XDTMGT Hồng Vàng	TP.HCM	1.775.400.000
12	04	02/01/2010	Công ty TNHH 1 TV Thiên Ân	TP.HCM	1.419.000.000
13	08A	02/01/2010	Công ty Tuyết & Quốc	Đồng Nai	1.986.000.000
14	05	02/01/2010	DNTN Bảo Hưng	TP.HCM	1.765.400.000
15	10	02/01/2010	Công ty TNHH TMXD Cơ khí Toàn Thịnh	TP.HCM	1.986.000.000
16	11	02/01/2010	DNTN TM Phương Loan	TP.HCM	1.986.000.000

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của công ty trong hai năm gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 2008, 2009 và và quý I/2010

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng (giảm) 2009/2008	Quý I/2010
1	Tổng giá trị tài sản	101.640.134.522	162.809.791.385	60.2%	148.223.702.337
2	Doanh thu thuần	167.939.041.487	214.822.390.449	27.9%	50.099.570.934
3	Giá vốn hàng bán	101.760.355.961	120.784.752.213	18.7%	27.727.598.983

4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62.388.844.493	91.305.783.589	46.3%	22.929.614.156
5	Lợi nhuận khác	4.939.176.800	4.382.818.648	-11.3%	3.125.824
6	Lợi nhuận trước thuế	67.328.021.293	95.688.602.237	42.1%	22.932.739.980
7	Lợi nhuận sau thuế (*)	67.328.021.293	79.074.130.850	17.4%	17.456.548.320
8	Vốn Điều lệ	38.000.000.000	87.681.750.000	95.2%	87.681.750.000
8	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (**)	177.2%	139.0%	-49.1%	19.9%

Nguồn: Số liệu theo báo cáo kiểm toán 2008,2009 và Quyết toán Quý I/2010

(**): Thuế suất năm 2008 được áp dụng là 28%; năm 2009 theo quy định mới, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra Công ty còn được giảm 30% ưu đãi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong năm 2009.

(**): Trong năm 2009, Công ty thực hiện tăng vốn hai lần, lần thứ nhất từ 38.000.000.000 đồng lên 44.965.000.000 đồng vào tháng 3/2009 và lần thứ hai tăng vốn điều lên 87.681.750.000 đồng vào tháng 11/2009 , do đó vốn điều lệ được tính là vốn điều lệ bình quân.

Như đã nêu trong mục I.1.4 - Rủi ro về thuế thu nhập doanh nghiệp, để chấp hành theo quy định của pháp luật, Công ty đã trích nộp vào ngân sách nhà nước số tiền truy thu thuế là 31.992.196.571 đồng, đồng thời hạch toán giảm lợi nhuận khoản thuế truy thu năm 2009 là 6.245.951.249 đồng trong báo cáo tài chính năm 2009. Đối với khoản truy thu thuế của năm 2007 và 2008 tương ứng là 6.964.403.866 đồng và 18.781.841.457 đồng, Công ty sẽ hạch toán giảm lợi nhuận vào năm 2010 trong báo cáo tài chính 2010. Do vậy lợi nhuận năm 2010 của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi khoản phát sinh giảm này nếu khiếu nại không được chấp thuận.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo 2008-2009

a. Các yếu tố của nền kinh tế vĩ mô

Khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của các nền kinh tế và sức tiêu thụ của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Lạm phát xảy ra ở nhiều nước trên thế giới đã làm gia tăng giá cả của hàng loạt nguồn nguyên liệu đầu vào, đã khiến cho doanh nghiệp bị động, gây tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp theo đó là

khủng hoảng toàn cầu dẫn đến một số nền kinh tế chủ chốt như ngành công nghiệp-xây dựng và bất động sản rơi vào suy thoái trầm trọng, đồng thời làm giảm sút nặng nề tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các nước như Việt Nam.

Năm 2009 là năm đánh dấu sự suy giảm GDP xuống mức thấp hơn hẳn các năm trước:

Tiêu chí (%)	2006	2007	2008	2009
GDP	8,17	8,48	6,23	5,32
Nông-lâm-thủy sản	3,40	3,40	3,79	1,83
Công nghiệp-xây dựng	10,37	10,60	6,33	5,52
Dịch vụ	8,29	8,68	7,20	6,63

Bảng 3: Tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 2006 - 2009

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tuy nhiên, trong tình hình biến động mạnh của nền kinh tế toàn cầu và trong nước, ngành xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề, tình hình kinh tế trong năm có nhiều biến động, khó khăn và lạm phát tăng cao, nhưng sản phẩm công ty thuộc ngành vật liệu xây dựng cơ bản nên chỉ ảnh hưởng mức độ thấp do nhu cầu thiết yếu của nó trong các công trình xây dựng. Các dự án, công trình trọng điểm, có sử dụng vốn ngân sách, ODA,… vẫn phải tiếp tục được thực hiện và thi công theo tiến độ. Ngoài ra, những gói giải pháp của Chính phủ trong năm trước và những chính sách kích cầu tiếp tục được thực hiện cho năm nay cũng dần có tác dụng trong thời kỳ khủng hoảng hiện nay và thời gian tới. Một khi kinh tế giảm phát, các loại sản phẩm như xi măng, sắt thép và các loại vật liệu xây dựng khác giảm giá sẽ kích thích người tiêu dùng quay trở lại đầu tư xây dựng.

b. *Các yếu tố nội tại trong Công ty*

Thuận lợi:

- Đá Núi Nhỏ tiếp tục là một trong số ít các doanh nghiệp có khả năng cung cấp sản phẩm đá xây dựng có chất lượng tốt trong khu vực. Đá tại mỏ Núi Nhỏ là đá phun trào có độ andezit và trầm tích cao, đậm đặc, đáp ứng tốt cho các công trình trọng điểm của quốc gia.
- Công ty có thuận lợi không chỉ trong khâu tiêu thụ mà khâu phân phối sản đá nhờ ưu thế vị trí địa lý thuận lợi cả về đường bộ lẫn đường sông.

- Kết quả đạt được trong thời gian vừa qua của NNC phần lớn nhờ vào sự quyết tâm của tập thể lãnh đạo, sự đoàn kết và nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty trong những thời kỳ khó khăn và giờ đây Công ty đã có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Thương hiệu NNC được khách hàng tín nhiệm nên Công ty có nhiều thuận lợi trong hoạt động hơn so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

- Trong lĩnh vực kinh doanh đá xây dựng ngoài việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao, các bộ phận kinh doanh của Công ty rất năng động, luôn chủ động tìm kiếm khách hàng, kết hợp với mạng lưới phân phối và bán hàng rộng khắp địa bàn TP.HCM, các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ đã giúp Công ty cung cấp hàng cho khách hàng kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và uy tín của thương hiệu NNC trên thị trường.

- Về tài chính: Nguồn vốn của Công ty luôn được sử dụng hiệu quả. Công ty thực hiện khá tốt việc quản lý công nợ, không để nợ tồn đọng kéo dài, không để nguồn vốn của Công ty bị chiếm dụng, giảm chi phí sử dụng vốn không cần thiết.

- Về nguồn nhân lực: Công ty luôn chú trọng đến việc nâng cao năng lực và chất lượng của đội ngũ nhân viên đồng thời có các chính sách phù hợp nhằm thu hút nhân tài để bổ sung và nâng cao tính chuyên nghiệp cùng tác phong làm việc của nhân viên Công ty.

Khó khăn:

- Sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh đá xây dựng, đặc biệt là cạnh tranh về giá đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của Công ty. Sản phẩm của NNC có chất lượng cao nên giá thành cũng cao hơn so với mức giá của các sản phẩm cấp thấp trên thị trường.

- Diện tích để mở rộng khai thác tại mỏ đá Núi Nhỏ trong năm 2009 không nhiều, đồng thời gần dân cư nên vấn đề ô nhiễm về tiếng ồn, chấn động, bụi và mức thương lượng đền bù hoa màu do đá văng cho dân cư xung quanh hiện là những vấn đề gây khó khăn lớn nhất cho công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải triển khai phương án quy hoạch lại mặt bằng cả khai thác và chế biến để tận dụng phần diện tích hiện có, đồng thời

làm cơ sở để chuẩn bị thực hiện phương án mở rộng 43 ha theo phương án đã được phê duyệt.

- Mặc dù thực hiện chủ trương và triển khai thực hiện cải cách, đưa quy trình ISO vào trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, nhưng do có 1 số nguồn nhân lực chưa được đào tạo kịp thời nên việc hiểu và áp dụng đúng chưa triệt để, kéo dài so với kế hoạch. Công ty phải liên tục cải tiến từ các khâu thủ tục chứng từ đến cách thức điều hành, quản trị. Với công tác nhân sự phải vừa huấn luyện công tác nghiệp vụ, vừa củng cố gửi đi đào tạo, nhưng cũng còn một số ít cán bộ công nhân viên vẫn chưa nắm bắt kịp với cách làm mới, chưa thích nghi trong môi trường mà đòi hỏi nhiều về tính chủ động, tính chuyên nghiệp và áp lực công việc cao.

- Trong điều kiện kinh tế giảm phát, nhiều mặt hàng vật liệu tiêu thụ được nhưng với khối lượng không lớn, do đó để bán được hàng, nhiều doanh nghiệp cùng ngành áp dụng phương thức cạnh tranh giảm giá bán để lôi kéo khách hàng về mình, tạo sự cạnh tranh nhưng theo hướng bất lợi cho công ty.

- Hoạt động kinh doanh gắn liền với sự phát triển của ngành xây dựng, vì vậy, việc thu hồi công nợ của Công ty gặp khó khăn. Tuy tỷ lệ công nợ khó đòi chiếm tỷ lệ rất thấp nhưng vẫn là rủi ro tiềm ẩn đối với công ty.

- Để có lượng khách hàng cho mình, Công ty luôn nâng cao chất lượng và điều chỉnh giá thành sản phẩm cho phù hợp với tình hình thị trường để đảm bảo nguồn cung ứng sản phẩm. Chính vì thế mục tiêu giá thành sản phẩm và chất lượng, cung cách phục vụ luôn là mục tiêu hàng đầu của công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

Với dự kiến sản lượng khai thác trong các năm tới sẽ tăng lên khoảng 1.800.000 - 2.8000.000m^3/năm (mỏ Núi Nhỏ) để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về xây dựng. So sánh với các đơn vị cùng ngành nghề trên địa bàn Đông Nam Bộ, công ty đứng vị trí cao trong lĩnh vực cung cấp đá và các sản phẩm đá của Công ty được các nhà thầu xây dựng lớn tin dùng trên thị trường

và có mặt đều khắp các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ, chiếm khoảng 20% thị phần trong địa bàn.

Khi nhu cầu xây dựng còn đòi hỏi và công nghệ vật liệu chưa có đột biến thì hoạt động chính của công ty nói riêng và ngành khai thác khoáng sản phục vụ nhu cầu xây dựng nói chung sẽ còn cơ sở để tồn tại và phát triển ít nhất đến năm 2015 (đối với mỏ đá Núi Nhỏ). Trữ lượng địa chất theo báo cáo thăm dò tại mỏ đá Núi Nhỏ là 19.000.000 m^3 , trong khi đó trữ lượng khai thác dự kiến khoảng 16.000.000 m^3, do đó sản lượng còn lại lên đến khoảng 3.000.000 m^3. Với thời gian khai thác đến 2015, sản lượng khai thác các năm của Công ty như sau:

STT	Năm	Đơn vị tính	SL cung cấp mỏ Núi Nhỏ	SL cung cấp mỏ Tân Lập
1	2010	m^3	1.800.000	200.000
2	2011	m^3	2.800.000	300.000
3	2012	m^3	2.800.000	400.000
4	2013	m^3	2.800.000	500.000
5	2014	m^3	2.800.000	500.000
6	2015	m^3	2.800.000	500.000
Tổng sản lượng khai thác			**15.800.000**	**2.400.000**

Bảng 4 : Kế hoạch khai thác từ năm 2010 - 2015 của mỏ đá Núi Nhỏ và mỏ đá Tân Lập

Công ty có thuận lợi không chỉ trong khâu tiêu thụ mà khâu phân phối sản đá nhờ ưu thế vị trí địa lý thuận lợi cả về đường bộ lẫn đường sông.

- Đường bộ: Mỏ đá Núi Nhỏ nằm trên các trục đường giao thông là quốc lộ.
- Đường thủy: Mỏ đá Núi Nhỏ nằm gần cảng Bình An, Nhị Hiệp, rất thuận lợi cho xà lan vào vận chuyển đá xây dựng.

Với bề dày kinh nghiệm trên 30 năm trong lĩnh vực khai thác đá và sản xuất vật liệu xây dựng, NNC luôn được khách hàng tin tưởng. Công ty có hệ thống nhà phân phối, đại lý rộng khắp Khu vực TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông Nam Bộ và Miền Tây sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho các công trình trọng điểm và các dự án lớn của Quốc gia trong khu vực. Nhờ

tính năng chịu lực cao, ít hút nước, độ chống mài mòn cao, sản phẩm công ty luôn tiên phong trong các công trình trọng điểm của quốc gia. Công ty đã cung cấp sản phẩm cho những công trình trọng điểm tiêu biểu sau:

Khu vực TP.Hồ Chí Minh:

- Đại lộ Đông Tây
- Tỉnh lộ 50
- Khu đô thị Phú Mỹ Hưng
- Khu chế xuất Tân Thuận
- Khu công nghệ cao Quận 9
- Đại lộ Nguyễn Văn Linh

Khu vực Bình Dương:

- Khu công nghiệp Đồng An 2
- Khu công nghiệp Mỹ Phước 3
- Khu công nghiệp Việt Nam Singapore
- Khu du lịch Đại Nam

Đối thủ cạnh tranh:

NNC hiện là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh khai thác và chế biến đá xây dựng cùng với các Công ty khác như Công ty Cổ phần Đá Hóa An, Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3/2, Công ty CP Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương, Công ty TNHH Ngọc Quý, Công ty Trung Thành (Khu vực Bình Dương), các Công ty khai thác đá ở khu vực Biên Hoà. Về trữ lượng và sản lượng khai thác và cung cấp, Núi Nhỏ đều có ưu thế do các mỏ ở khu vực giáp ranh công ty thuộc tỉnh Đồng Nai sắp đóng cửa mỏ vì hết trữ lượng.

Đơn vị tính: m^3

STT	Các đơn vị cùng ngành	Sản lượng cung cấp
I	**Khu vực Bình Dương**	
1	Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2	1.500.000
2	Công ty CP Khoáng sản & XD Bình Dương	1.800.000
3	Công ty CP Hóa An	1.500.000
4	Công ty TNHH Ngọc Quý	700.000
5	Công ty Trung Thành	1.000.000

STT	Các đơn vị cùng ngành	Sản lượng cung cấp
6	Công ty CP Đá Núi Nhỏ	1.800.000
II	**Khu vực Biên Hòa - Đồng Nai**	
1	Mỏ đá Bình Hóa	2.000.000
2	Mỏ đá Hóa An 1	1.200.000
3	Mỏ đá Tân Bản 1	1.500.000
4	Mỏ đá Tân Bản 2	1.000.000
5	Mỏ đá Tân Vạn	2.000.000
6	Công ty CP Hóa An	1.800.000
7	Tân Hạnh (Công ty khai thác đá Đồng Tân)	2.000.000
8	Tân Hạnh 1A (Công ty TNHH Hiệp Phong)	380.000
9	Bình Hóa 1A (Công ty TNHH An Phú)	380.000

Ngoài ra, với hoạt động mới là chế biến mủ cao su và trồng rừng, NNC thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đem lại lợi nhuận cho Công ty và cổ đông. Đây là ngành nghề mới, hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh truyền thống của Công ty.

Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển của ngành trong các năm tới theo nhận định của Công ty là thuận lợi. Dự kiến nhu cầu đá xây dựng của khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các Tỉnh Đồng Nai, Bình Dương trong các năm tới tăng trưởng mạnh với tốc độ khoảng 10% - 15%/năm. Các yếu tố tác động chính thúc đẩy thị trường đá xây dựng tăng trưởng mạnh bao gồm:

- Việc triển khai các công trình cơ sở hạ tầng, cầu, đường lớn của Thành phố Hồ Chí Minh và của khu vực mà NNC đang và sẽ làm nhà cung cấp chính:
    - Đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây
    - Đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn
    - Đường cao tốc TP.HCM - Trung Lương
    - Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
    - Công trình sân bay quốc tế Long Thành
    - Quốc Lộ 13 nối từ TP.HCM - Bình Dương - Cửa khẩu hoa Lưu Bình Phước.

- Các công trình cầu lớn như: cầu Sài Gòn, cầu Đồng Nai, cầu Hóa An, cầu Long Thành.

- Sự đô thị hóa mạnh mẽ tại các Quận ven và sự phát triển của các cao ốc văn phòng, chung cư v.v... tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thị xã Thủ Dầu Một, Thành phố Biên Hòa; (Khu dân cư Dĩ An, Bình Phước)

- Sự phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất tại Tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. (Khu công nghiệp Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước)

Định hướng phát triển chung của Công ty trong thời gian tới

- Xây dựng lại bộ máy, tổ chức: thực hiện tái cấu trúc bộ máy để phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty, nâng cao chất lượng các cấp quản trị, thực hiện phân cấp, phân quyền nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của nhân viên. Đẩy mạnh việc quản trị theo mục tiêu, xây dựng các cấp quản trị theo hướng chuyên nghiệp.
- Tập trung đi sâu và phát huy thế mạnh, chuyên môn chính của Công ty là lĩnh vực khai thác và chế biến tài nguyên khoáng sản phi kim loại.
- Tiếp tục nghiên cứu mô hình đầu tư phù hợp tại mỏ đá Núi Nhỏ sau khi dự án khai thác kết thúc theo những gợi ý đề xuất của dự án đánh giá tác động môi trường khu vực khai thai thác đá huyện Dĩ An, Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua.
- Tại mỏ Núi Nhỏ, tập trung cho phương án đền bù mở rộng theo phương án đã được duyệt lên 28 ha. Triển khai cân đối và bổ sung nguồn lực, chuyển đổi các máy xay công suất nhỏ sang công suất lớn từ 150 tấn/giờ trở lên để phục vụ cho việc tăng sản lượng khai thác theo phương án được duyệt, đồng thời duy trì các điều kiện để sản xuất tốt, cải thiện ô nhiễm môi trường để đảm bảo duy trì hoạt động của công ty được liên tục, đồng thời cố gắng tận thu, khai thác hết trữ lượng trong giấy phép từ nay đến hết 2015.
- Công ty tiếp tục tìm kiếm việc liên doanh, liên kết trong khai thác chế biến khoáng sản với các đơn vị có giấy phép khai thác.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/03/2009 là 132 người, cơ cấu trình độ được thể hiện trong bảng sau:

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Trên Đại học	1	0,8%
Đại học và Cao đẳng	8	6,0%
Trung cấp	37	28,0%
CN Kỹ thuật	15	11,4%
Lao động phổ thông	71	53,8%
Tổng cộng	**132**	**100%**

Cơ cấu lao động theo hợp đồng lao động:

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Không xác định thời hạn	4	3,0%
Hợp đồng từ 1 - 3 năm	127	96.2%
Dưới 1 năm	1	0.8%
Tổng cộng	**132**	**100%**

10.2 Chính sách đối với người lao động

- ***Chế độ làm việc***: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, từ 7h00-11h00 thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- ***Nghỉ phép, lễ, tết***: Nhân viên được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 1 năm sau.

- ***Nghỉ ốm, thai sản***: Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

- ***Điều kiện làm việc***: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- ***Đảm bảo việc làm cho người lao động***: Để giải quyết việc làm cho gần 200 lao động, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tìm các đối tác thích hợp, mở rộng SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

- ***Chế độ lương***: Công ty thực hiện việc chi trả lương theo quy định của Luật lao động và thang bảng lương của Công ty.

- ***Chế độ thưởng***: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty được thưởng thêm tháng lương thứ 13 và được trích khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất mà người lao động đã đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch năm.

- ***Bảo hiểm và phúc lợi***: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội , bảo hiểm y tế và bảo hiểm bắt buộc cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước. Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn … đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

- ***Tổ chức công đoàn***: Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp lễ Tết, ... Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát 1 lần từ 4-5 ngày và không bị trừ ngày phép năm.

- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội

ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- Lập quỹ hỗ trợ người lao động: tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăm đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ luôn duy trì mức cổ tức từ 25% trở lên (năm 2007, tỷ lệ cổ tức là 29.5%, năm 2008 là 80%, năm 2009 là 56%). Trong những năm tới, Công ty phấn đấu giữ vững mức cổ tức là 40%.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6 - 8 năm
- Máy móc thiết bị: 3 - 8 năm

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 3 - 4 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 2 - 3 năm

b. Thu nhập bình quân người lao động.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2008 - 2009 là 5.000.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2008 - 2009, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ.

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2008, 2009 và quý I/2010 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ	Năm 2008	Năm 2009	Quý I/2010
Quỹ dự phòng tài chính	3.355.016.228	7.286.150.404	8.146.102.218
Quỹ đầu tư phát triển	6.754.924.455	14.617.192.807	1.719.903.628
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.831.038.320	1.998.870.675	2.284.059.666
Tổng cộng	**11.940.979.003**	**23.902.213.886**	**12.150.065.512**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008,2009 và quyết toán Quý I/2010

f. Tổng dư nợ vay ngân hàng.

Tại thời điểm 31/03/2010, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: Không có.
- Vay dài hạn: Không có.

g. Tình hình công nợ hiện nay

- ***Các khoản phải thu:***

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu từ khách hàng	7.566.487.542	-	9.938.096.808	-	10.466.956.627	-
Trả trước cho người bán	2.681.000.000	-	2.647.378.232	-	2.562.128.000	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	1.750.076.516	-	1.549.091.682	-	396.816.321	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(52.778.427)	-	(52.778.427)	-	(52.778.427)	-
Tổng cộng	**11.944.785.631**	**-**	**14.081.788.295**	**-**	**13.373.122.521**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán Quý I/2010

- ***Các khoản phải trả*:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2009		Quý I/2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng SXKDố	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	**15.460.110.399**	**-**	**32.994.545.13**	**-**	**41.027.312.695**	**-**
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	6.923.960.990	-	7.917.904.399	-	7.371.264.351	-
Người mua trả tiền trước	439.616.984	-	1.831.553.486	-	2.410.565.810	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	766.528.355	-	18.142.229.386	-	24.223.854.723	-
Phải trả CNV	3.013.698.000	-	3.581.732.000	-	295.558.000	-
Chi phí phải trả	339.682.284	-	403.372.712	-	403.372.712	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.976.623.786	-	1.117.753.160	-	6.322.697.099	-
Dự phòng phải trả	-		-		-	-
Nợ dài hạn	**36.811.744**	**-**	**-**	**-**	**(5.837.000)**	**-**
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	36.811.744	-	-	-	(5.837.000)	-
Tổng	**15.496.922.143**	**-**	**32.994.545.13**	**-**	**41.021.475.695**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và quyết toán Quý I/2010

Về các khoản phải thu: Vào thời điểm 31/03/2009, Công ty có một khoản nợ khó đòi là phần nợ của Công ty Công trình giao thông Công chánh Tp.HCM với số tiền 52.778.427 đồng. Tuy nhiên Công ty đã trích lập 100% cho khoản nợ khó đòi này và dự kiến sẽ xử lý trong năm 2010.

Về các khoản phải trả: Công ty không có các khoản nợ quá hạn phải trả. Nhờ quản lý công nợ và dòng tiền tốt trong hoạt động kinh doanh nên Công ty không phải sử dụng đòn bẩy cân nợ với ngân hàng, tạo điều kiện phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu của Công ty

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2008	Năm 2009	Quý I/2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	4.21	3.60	2.31
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3.91	3.41	2.07
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15.2%	20.3%	27.7%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18.4%	25.8%	39.1%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	31.7	22.3	3.5
- Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2.02	1.62	0.32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	40.1%	36.8%	34.8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	79.9%	61.9%	16.6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	66.2%	48.6%	11.8%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	37.1%	42.5%	45.8%

Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty ở mức khá an toàn, thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ bằng tài sản lưu động mà không cần sử dụng đến các nguồn khác. Hệ số thanh toán trong năm 2009 và quý I/2010 giảm so với năm 2008, chủ yếu do phần hạch toán các khoản thuế phải nộp cho ngân sách tăng vào cuối năm 2009 và quý I/2010. Tuy nhiên, nếu trừ khoản phải nộp thuế phát sinh này, xét về hoạt động kinh doanh chính, Công ty vẫn luôn đảm bảo hệ số thanh toán khá an toàn và hiệu quả. Với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động, giá đầu vào nguyên vật liệu tăng cao thì để đảm bảo cho sản lượng khai thác đá, Công ty luôn tăng lượng hàng tồn kho dự trữ cao hơn so với năm trước.

Comment [C1]: Bỏ câu này

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: NNC là công ty trong hoạt động khai thác đá, nguồn vốn cần chủ yếu để chi trả cho các nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân công, do đó hệ số nợ/tổng tài sản cũng như nợ/vốn chủ sở hữu không chiếm tỷ trọng cao (khoảng 15 - 30% tổng tài sản). Các chỉ tiêu này cho thấy hoạt động của Công ty được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản lưu động một cách hiệu quả

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do việc kinh doanh của công ty tuỳ thuộc vào thời vụ tiêu thụ đá trong các mùa cao điểm về xây dựng vì vậy nhu cầu dự trữ hàng hoá của công ty khá cao thể hiện qua chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản không cao.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của Công ty đều đạt từ 20% trở lên. Năm 2008, chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện khá cáo, chủ yếu là do sản xuất chính ở chi nhánh Bình Phước đã có lãi, thu nhập từ các hoạt động khác như lãi tiền gửi ngân hàng, bán mủ cao su cũng tăng hơn, đồng thời Công ty có các khoản thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định và xử lý sản phẩm thừa vào cuối năm. Năm 2009, Công ty được hưởng ưu đãi thuế (giảm 30% thuế suất thuế thu nhập hiện hành dành cho DN nhỏ và vừa) đồng thời Công ty cũng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 38 tỷ đồng lên 44.9 tỷ đồng trong quý I năm 2009, và tăng vốn từ 44.9 lên 87.7 tỷ trong quý IV/2009 nên tỷ suất sinh lợi cũng sụt giảm. Bên cạnh đó, khoản phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ việc truy thu thuế của Cục thuế Bình Dương, cũng đã làm chỉ tiêu lợi nhuận giảm đi.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

13.1 Thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Mai Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Tuấn Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc
3	Nguyễn Văn Chối	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
4	Đoàn Văn Kình	Thành viên HĐQT
5	Trần Minh Tâm	Thành viên HĐQT

a. Ông **Mai Văn Chánh -** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**MAI VĂN CHÁNH**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/01/1959
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280880610 cấp ngày 19/06/2002 tại Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	20/5 Ấp Trung Thắng, xã Bình Thắng, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
+ Từ 10/1980 - 10/1983:	Công tác tại Xí nghiệp vận tải đường sông Sông Bé
+ Từ 10/1983 - 11/1987:	Nhân viên kỹ thuật Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 11/1987 - 4/1990:	Đi hợp tác lao động tại Cộng hòa Dân chủ Đức
+ Từ 4/1990 - 2/2001:	Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá số 3
+ Từ 2/2001 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đá Núi Nhỏ, Phó

	Tổng Giám đốc Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	1.467.510 cổ phần, chiếm 16,35 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	1.349.170 cổ phần, chiếm 15,39% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	118.340 cổ phần, chiếm 1,35% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

b. Ông **Phạm Tuấn Kiệt** - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**PHẠM TUẤN KIỆT**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/05/1969
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280425679 cấp ngày 12/02/2004 tại Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	1/19 Khu Phố Bình Mình, Thị trấn Dĩ An, Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 07/1987 - 10/1988:	Nhân viên cung ứng vật tư Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương.
+ Từ 11/1988 - 09/1991:	Được cử đi học Trung cấp kỹ thuật điện tại trường Kỹ thuật điện Hoóc Môn.
+ Từ 10/1991 - 06/1992:	Công nhân vận hành má xay đá tại phân xưởng khai thác đá số 2.
+ Từ 07/1992 - 07/1993:	Kế toán tổng hợp Phân xưởng gạch Toàn Thắng 4
+ Từ 08/1993 - 12/2001:	Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp Cát Tân Ba
+ Từ 01/2002 - 12/2002:	Phó Giám đốc phụ trách khai thác cát trên Sông Sài Gòn
+ Từ 01/2003 - 03/2006:	Giám đốc Xí nghiệp khai thác cát Dầu Tiếng
+ Từ 04/2006 - 11/2006:	Phó Giám đốc CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp
+ Từ 11/2006 - 4/2010:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp
+ Từ 4/2010 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT kiếm PHó Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2009):	1.352.580 cổ phần, chiếm 15,39% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	1.349.170 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	3.410 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với	Không

Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

c. Ông **Nguyễn Văn Chối** - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**NGUYỄN VĂN CHỐI**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/03/1958
Nơi sinh:	Tân Hiệp, Dĩ An, Biên Hòa, Đồng Nai
CMND:	280387755 cấp ngày 28/07/2003 tại Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đồng Nai
Địa chỉ thường trú:	6/6A Tân Phước, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	09/12
Trình độ chuyên môn:	Sơ cấp Quản lý kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 1982 - 1988:	Bảo vệ chuyên trách Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 1988 - 1989:	Thủ kho Phân xưởng Phước Tâm
+ Từ 1989 - 1991:	Kế toán Phân xưởng Phước Tâm
+ Từ 1991 - 1999:	Kế toán tổng hợp Phân xưởng đá số 3
+ Từ 1999 - 2001:	Phó Giám đốc Xí nghiệp đá số 3
+ Từ 2001 – 2006:	Giám đốc Xí nghiệp đá số 3
+ Từ 2006 - nay:	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	17.476 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	17.476 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ

ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

d. Ông **Đoàn Văn Kình** - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**ĐOÀN VĂN KÌNH**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/08/1961
Nơi sinh:	Nam Định
CMND:	280436955 cấp ngày 11/11/1997, nơi cấp: Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Định
Địa chỉ thường trú:	486C/1 tổ 1/1 Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	10/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
+ Từ 1979 - 1983:	Đi bộ đội
+ Từ1983 đến nay:	Công ty Vật liệu & Xây Dựng Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	4.260 cổ phần, chiếm 0,049 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	4.260 cổ phần, chiếm 0,049 % vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

e. Ông **Trần Minh Tâm -** Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**TRẦN MINH TÂM**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	21/08/1956
Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
CMND:	012370840 cấp ngày 29/06/2000, nơi cấp: CA Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú:	156 KP1, P.Linh Xuân, Thủ Đức, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp cơ khí
Quá trình công tác	
+ Từ 1975 - 1977	Công tác tại đội khai thác đá Hóa An thuộc Công ty giao thông vận tải tỉnh Sông Bé
+ Từ 1977 đến nay	Công tác tại Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Bình An
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	26.582 cổ phần, chiếm 0.3 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	26.582 cổ phần, chiếm 0.3 % vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.2 Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hồng Châu	Trưởng BKS
2	Dương Hiển Phát	Thành viên BKS
3	Nguyễn Hữu Tài	Thành viên BKS (mới)
4	Đào Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BKS (cũ)

a. Ông **Nguyễn Hồng Châu -** Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	**NGUYỄN HỒNG CHÂU**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/02/1970
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280448585 cấp ngày 08/12/2005 tại Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế tài chính, cử nhân kinh tế Nông lâm
Quá trình công tác	
+ Từ 05/1993 - 08/1995:	Cán bộ thuế tại Cục thuế Đồng Nai
+ Từ 09/1995 - 03/1998:	Nhân viên Xuất nhập khẩu kiêm tiếp thị tại Công ty Nghệ Tin TP.HCM
+ Từ 04/1998 - 09/2001:	Kế toán tổng hợp Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 09/2001 - 04/2006:	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 04/2006 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	6.500 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	6.500 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

b. Ông **Dương Hiển Phát** - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	**DƯƠNG HIỂN PHÁT**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/05/1981
Nơi sinh:	Đồng Nai
CMND:	271396163 cấp ngày 24/04/1996 tại Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	127 Ấp Thọ An, xã Bảo Quang, Long Khánh, Đồng Nai
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
+ *Từ* 2003 - 2005*:*	Kế toán Công ty TNHH Evertech Plastic Việt Nam
+ *Từ* 2006 - 2007*:*	Kế toán DNTN Máy Công nghiệp Bảo Tính
+ *Từ* 2007 - 2009*:*	Nhân viên Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
+ *Từ* 2009 đến nay*:*	Nhân viên Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên BKS
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Nhân viên Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ *Đại diện sở hữu:*	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ *Cá nhân sở hữu:*	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

c. Ông **Nguyễn Hữu Tài -** Thành viên Ban Kiểm soát (mới)

Họ và tên:	**NGUYỄN HỮU TÀI**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/03/1977
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	271292549 cấp ngày 06/11/2008 tại Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đồng Nai
Địa chỉ thường trú:	A3/15 Phường Tân Vạn, Biên Hòa, Đồng Nai
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 11/1998 - 06/2007	Phụ trách kế hoạch Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 06/2007 - 01/2010:	Phụ trách mỏ sét Phước Tân của Công ty Tín Nghĩa
+ Từ 01/2001 đến nay:	Phụ trách kế hoạch Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên BKS, Nhân viên phụ trách kế hoạch Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ hiện đang nắm	Không

giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (thời 31/03/2010):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

d. Bà **Đào Thị Mỹ Hạnh -** Thành viên Ban Kiểm soát (cũ)

Họ và tên:	**ĐÀO THỊ MỸ HẠNH**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/05/1969
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280431483 cấp ngày 08/07/2005 tại Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	140/3A Ap Bình Thung, Bình An, Dĩ An, Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp kế toán
Quá trình công tác	
+ Từ 12/1986 - 11/2006	Nhân viên Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương

+ Từ 12/2006 đến nay	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên BKS, Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời 31/03/2010):	6.620 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	6.620 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.3 Ban Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Trọng Nhân	Giám đốc
2	Phạm Tuấn Kiệt	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Văn Chối	Phó Giám đốc

a. Ông **Phạm Trọng Nhân -** Giám đốc

Họ và tên:	**PHẠM TRỌNG NHÂN**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/03/1972
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280523234 cấp ngày 27/05/2003 tại Bình

	Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	Đường Trần Hưng Đạo, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
+ Từ 06/1998 - 08/2001:	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 09/2001 - 12/2003:	Giám đốc VPĐD tại TPHCM, Trưởng Ban kiểm soát CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương.
+ Từ 01/2004 - 06/2006:	Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp
+ Từ 01/07/2006 - 04/2010:	Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
+ Từ 04/2010 - nay:	Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Giám đốc Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2009):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ	Không

chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

b. Ông **Nguyễn Văn Chối** - Phó Giám đốc

Xem phần c - Hội đồng quản trị

13.4 Kế toán trưởng

Ông **Trần Phú Cường** - Kế toán trưởng

Họ và tên:	**TRẦN PHÚ CƯỜNG**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/07/1965
Nơi sinh:	Bình Dương
CMND:	280356889, ngày cấp 28/08/2003, nơi cấp: Bình Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Dương
Địa chỉ thường trú:	16/19 KP Bình Minh, TT Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số ĐT liên lạc:	(0650) 3751 515
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 1987 - 1990:	Kế toán XN Gạch ngói gốm mỹ nghệ Thành Công
+ Từ 1991 - 1993:	Nhân viên Công ty may 3/2
+ Từ 1994 - 1995:	Kế toán Doanh nghiệp tư nhân
+ Từ 1996 - 2007:	Kế toán Xí nghiệp Đá 3/2
+ Từ 2008 - 04/2009:	Kế toán Xí nghiệp kinh doanh cầu đường - Công ty Vật liệu & Xây dựng Bình Dương
+ Từ 05/2009 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 31/03/2010):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo (và các cam kết khác nếu có).

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

14. Tài sản

Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.920.307.873	2.384.127.910	4.536.179.963	65,5%
Máy móc thiết bị	13.625.671.694	3.725.683.033	9.899.988.661	72,7%
Phương tiện vận tải	1.996.897.943	611.900.769	1.384.997.174	69,4%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	676.080.143	418.074.033	258.006.110	38,2%
Tổng cộng	**23.218.957.653**	**7.139.785.745**	**16.079.171.908**	**69,3%**

Một số tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2010

STT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Ghi chú
1	Máy xay số 1 - LX	360.000.000	Máy móc thiết bị sản xuất
2	Máy bơm nước ABARA	103.703.738	Máy móc thiết bị sản xuất
3	Máy xay số 6 - M5	315.000.000	Máy móc thiết bị sản xuất

STT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Ghi chú
4	Máy xay số 6 - M5	231.000.000	Máy móc thiết bị sản xuất
5	Trạm biến áp 1000 KVA	153.095.833	Máy móc thiết bị sản xuất
6	Đường dây và trạm biến áp 1.250 KVA	316.666.665	Máy móc thiết bị sản xuất
7	Máy nghiền cớn (KSD -1200) - M12	140.000.000	Máy móc thiết bị sản xuất
8	Đường dây 22KV-535M	140.288.747	Máy móc thiết bị sản xuất
9	Trạm biến áp (2 trạm)	637.272.727	Máy móc thiết bị sản xuất
10	Trạm biến thế 1.250 KVA 22/0.4KV	693.636.364	Máy móc thiết bị sản xuất
11	Xe Ford Everest	651.539.600	Phương tiện vận tải
12	Xe TOYOTA CORALA ALTIS	437.210.056	Phương tiện vận tải
13	Xe ISUZU	378.181.818	Phương tiện vận tải
14	Nhà làm việc	706.332.217	Nhà cửa, vật kiến trúc
15	Đường dây trung thế	1.179.205.454	Máy móc thiết bị
16	Máy xay PDSU 150T/h	2.532.809.524	Máy móc thiết bị
17	Máy xay đá số 2.200 t/h	4.760.171.000	Máy móc thiết bị
18	Đường giao thông đoạn 1 Bình Dương	1.987.914.303	Nhà cửa, vật kiến trúc
19	Đường giao thông đoạn 2 Bình Phước	487.742.071	Nhà cửa, vật kiến trúc
20	Nhà làm việc Bình Phước	1.182.220.000	Nhà cửa, vật kiến trúc
21	Xưởng ngói cement màu	656.616.198	Nhà cửa, vật kiến trúc

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	% tăng giảm so với 2009	Kế hoạch 2011	% tăng giảm so với 2010	Kế hoạch 2012
1	Sản lượng đá tiêu thụ (triệu m^3)	1.7	1.8	5,9%	2.0	11.1%	2.0
2	Vốn điều lệ thực góp	87.681	87.681	0%	87.681	0%	96,449

3	Tổng doanh thu	214.822	216.818	0.9%	238,500	10.0%	262,350
4	Lợi nhuận trước thuế	95.688	102,088	6.7%	112,297	10.0%	123,526
5	Lợi nhuận sau thuế	79.074	58,336	-26.2%	84,223	44.4%	92,645
6	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	36.8%	26.9%	-26.9%	35.3%	31.3%	35.3%
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ thực góp(*)	139.0%	66.5%	-52.1%	96.1%	44.4%	96.1%
8	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	56%	40%	-28.6%	40%	0%	40%

(*): Vốn điều lệ bình quân năm 2009 là 56.882.250.000 đồng

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian vừa qua cùng với tiến độ triển khai mở rộng hoạt động khai thác đá, Công ty đang thực hiện để lập kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận cho năm 2010 như trên.

Năm 2010, Công ty bắt đầu phải nộp 100% thuế thu nhập doanh nghiệp, đồng thời hạch toán phần truy thu thuế doanh nghiệp như đã nêu trên nên biên lợi nhuận sau thuế sẽ giảm. Ngoài ra, hoạt động khai thác đá sẽ không có nhiều biến động, do đó kế hoạch tăng trưởng doanh thu của Công ty từ 2010 là 10%/năm. Lợi nhuận biên sau thuế đạt mức tương ứng với 2010 là 26.9%.

Định hướng đầu tư và phát triển của Công ty trong năm 2010

- Nghiên cứu đầu tư vào dự án "Xây dựng cầu Đồng Nai 2" với tỷ lệ tham gia góp vốn thành lập dự án là 4% vốn điều lệ, tương ứng 17.240.000.000 đồng thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC-VT)
- Tập trung đi sâu và phát huy thế mạnh, chuyên môn chính của Công ty là lĩnh vực khai thác và chế biến tài nguyên khoáng sản phi kim loại, qua việc tập trung phát triển mỏ đá Tân Lập đến năm 2011, sản lượng khai thác đá đạt từ 500.000 m^3 trở lên. Công ty đang tiến hành nghiên cứu nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng, thủ tục xin cấp phép để đầu tư một mỏ đá mới tại Bà Rịa Vũng Tàu.
- Công ty tiếp tục tìm kiếm việc liên doanh, liên kết trong khai thác chế biến khoáng sản với các đơn vị có giấy phép khai thác.

- Công ty sẽ đầu tư mới máy móc thiết bị sản xuất đá cưa cắt lát vỉa hè và quy trình công nghệ chế biến cát xây dựng nhân tạo từ nguồn khai thác của Công ty.
- Công ty dự kiến liên doanh, liên kết với Công ty mẹ thực hiện đầu tư xây dựng trường phổ thông cấp 3 và trường lái xe Châu Thới.

Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị trong năm 2010:

Với kế hoạch triển khai khai thác mỏ đá Núi Nhỏ theo phương án diện tích mới, thăm dò mở rộng khai thác sâu 100m với công suất 1.800.000 m^3/năm (công suất năm 2009 là 1.700.000 m^3/năm) thì ngoài nguồn lực sẵn có, công ty sẽ đầu tư thêm nguồn lực để đáp ứng phục vụ sản xuất như sau:

- Triển khai lắp đặt mới 02 máy khoan khoan BMK5, nâng tổng số máy khoan, nâng tổng số máy khoan lên 15 máy.
- Triển khai sử dụng mới 01 xe đập đá có công suất đập 72.000 m^3/năm, nâng tổng số xe đập đá là 06 xe.
- Triển khai sử dụng mới 02 xe đào, nâng tổng số xe đào lên 14 xe.
- Triển khai sử dụng mới 02 xe xúc, như vậy với 15 xe xúc được triển khai thì có thể thực hiện được 2.055.580 m^3/năm.
- Triển khai sử dụng mới 07 xe vận chuyển phục vụ sản xuất, nâng tổng số xe vận chuyển là 49 xe trong năm 2010.
- Triển khai lắp đặt thêm máy xay tại chi nhánh Bình Phước, nâng tổng số máy xay có công suất 150 tấn/giờ lên 3 - 4 máy tại chi nhánh Bình Phước.
- Triển khai làm đường vào mỏ đá Tân Lập, Bình Phước với kết cấu là cấp 2 đồng bằng, H30 thảm bê tông nhựa nóng, nhanh chóng thi công, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm ở đây.

Kế hoạch tiêu thụ đá thành phẩm trong những năm sắp tới:

STT	Năm	Đơn vị tính	SL tiêu thụ mỏ Núi Nhỏ	SL tiêu thụ mỏ Tân Lập
1	2010	tấn	3.000.000	300.000
2	2011	tấn	4.200.000	500.000
3	2012	tấn	4.200.000	600.000
4	2013	tấn	4.200.000	750.000
5	2014	tấn	4.200.000	750.000
6	2015	tấn	4.200.000	750.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ)

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ. Với tốc độ tăng trưởng ít nhất 10%/năm của thị trường đá xây dựng, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Ngày 8/3/2010, chúng tôi nhận được Quyết định số 1055/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008 và năm 2009 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể như sau:

Số tiền truy thu thuế: **31.992.196.571 đồng** *(Ba mươi mốt tỷ, chính trăm chính mươi hai triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm bảy mươi hai đồng).*

Trong đó:

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007: 6.964.403.866 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008: 18.781.841.457 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009: 6.245.951.249 đồng

Theo quy định trước đây, khi cổ phần hóa, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50%, thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm tiếp theo. Căn theo quy định nay, tại công văn số 06/TT-NN06 ngày 25/12/2006, Công ty đăng ký thời điểm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2007.

Trả lời công văn nêu trên, công văn số 199/CT-QL DN1 ngày 11/01/2007 của Cục thuế tỉnh Bình Dương xác định Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được hưởng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và chấp nhận thời gian đăng ký hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ 01/01/2007.

Hằng năm, khi lập Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2007, 2008, Công ty cũng xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn 100%.

Tại công văn số 9814/CT-TT&HT ngày 18/09/2009, Cục thuế tỉnh Bình Dương một lần nữa khẳng định Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 có hiệu lực thi hành nên thược đối tượng được hưởng các mức ưu đãi theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập đối với hoạt động sản xuất theo điểm 1, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 12/2006, năm 2007 và năm 2008 vào ngày 02/10/2009 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Cục thuế tỉnh Bình Dương cũng đồng ý Công ty được miễn thuế 100% thuế thu nhập doanh nhgiệp của 02 năm 2007, 2008 (năm 2007 là 6.964.403.866 đồng, năm 2008 là 18.269.359.033 đồng, không kể phần miễn thuế của Chi nhánh Bình Phước là 512.482.424 đồng)

Tuy nhiên, ngày 8/3/2010, Công ty nhận được quyết định số 1055/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu ở trên.

Do đến nay vẫn chưa hết thời hạn kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009, nên Công ty sẽ kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng không giảm 50% và tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 vào chi phí của năm 2009 khi lập Báo cáo tài chính năm 2009. Riêng phần truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp

phải nộp của năm 2007, 2008 với số tiền là 25.027.792.706 đồng chưa điều chỉnh vào Báo cáo tài chính 2009.

Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục khiếu nại về việc truy thuế thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của 02 năm 2007, 2008 cũng như phần giảm 50% của 02 năm 2009 và 2010.

Tuy nhiên, để chấp hành theo tinh thần của Quyết định số 1055/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bình Dương, Công ty đã nộp số tiền truy thu nói trên vào ngân sách Nhà nước.

Điều đó sẽ làm cho nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) giảm một khoản tương ứng và nội dung này sẽ được Công ty điều chỉnh và Báo cáo tài chính 2010 của Công ty nếu khiếu nại của Công ty không được chấp thuận.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 8.768.175 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Khi Công ty được cấp phép niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Kiểm soát và kế toán trưởng của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết và 50% trong 6 tháng tiếp theo.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 6 tháng đầu tiên: **183.188** cổ phiếu (tương đương 2,1% vốn điều lệ), chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	CMND	Nơi cấp

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	CMND	Nơi cấp
	Hội đồng quản trị				
1	Mai Văn Chánh	CT HĐQT	118.340	280880610	Bình Dương
2	Phạm Tuấn Kiệt	TV HĐQT/PGĐ	3.410	280425679	Bình Dương
3	Nguyễn Văn Chối	TV HĐQT/Phó GĐ	17.476	280387755	Bình Dương
4	Đoàn Văn Kình	TV HĐQT	4.260	280436955	Bình Dương
5	Trần Minh Tâm	TV HĐQT	26.582	012370840	Tp.HCM
	Ban Giám đốc				
1	Phạm Trọng Nhân	Giám đốc	0	280523234	Bình Dương
2	Nguyễn Văn Chối	nt	nt	nt	nt
	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Hồng Châu	Trưởng BKS	6.500	280448585	Bình Dương
2	Đào Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BKS (cũ)	6.620	280413483	Đồng Nai
3	Dương Hiển Phát	Thành viên BKS	0	280356889	Bình Dương
4	Nguyễn Hữu Tài	Thành viên BKS (bầu bổ sung mới)	0	271292549	Đồng Nai
	Kế toán trưởng				
1	Trần Phú Cường	Kế toán trưởng	0	280356889	Bình Dương
	Tổng cộng		**183.188**		

5. Phương pháp tính giá: giá niêm yết dự kiến được tính theo phương pháp P/E (Price/EPS), P/B (Price/Book value)

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ hoạt động theo đa ngành nghề, tuy nhiên ngành nghề hoạt động chính vẫn là kinh doanh đá xây dựng. Bên cạnh đó, NNC là Công ty chưa niêm yết, nên khó xác định chính xác giá thị trường của Công ty tại thời điểm này. Vì vậy, giá niêm yết dự kiến của NNC sẽ được xác định dựa trên P/E, P/B trung bình của Công ty hoạt động cùng ngành nghề đang niêm yết trên Sở GDCK

TP.Hồ Chí Minh là Công ty Cổ phần Hóa An (Mã chứng khoán: DHA) vào thời điểm 31/03/2010.

∗ Phương pháp tính P/B:

Giá trị số sách của cổ phiếu (Book Value per share):

$$\text{Book value per share} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông – số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Giá cổ phiếu tính theo P/B: P (Price) = B (Book value) * P/B

∗ Phương pháp tính P/E:

Thu nhập trên mỗi cổ phần (Earning per share – EPS):

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân 4 quý gần nhất}}$$

Giá cổ phiếu tính theo P/E: P (Price) = EPS * P/E

∗ Tính toán:

STT	Nội dung	NNC	DHA
1	Số lượng cổ phiếu phổ thông tại thời điểm 31/03/2010 (cp)	8.768.175	10.099.670
2	Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/03/2010 (cp)	224.825	129.822
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân 4 quý gần nhất (cp)	5.842.370	10.040.937
4	EPS 4 quý gần nhất (đồng)	13.978	7.152
5	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu) tại thời điểm 31/03/2010	12.281	33.182
6	Giá đóng cửa (đồng/cổ phiếu) ngày 31/03/2010	-	47.000
7	P/E	-	6,58
8	P/B	-	1,42

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/04/2010 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM)

Từ đó, ta có kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Ghi chú	Tính toán
EPS	(1)	13.978
P/E của DHA	(2)	6,58
Giá cổ phiếu dự kiến theo P/E = 6,58	(3) = (1) x (2)	91.973
Giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách 31/03/2010	(4)	12.281
P/B của DHA	(5)	1,42
Giá cổ phiếu dự kiến theo P/B = 1,42	(6) = (4) x (5)	17.439
Giá cổ phiếu tham chiếu thị trường OTC (31/03/2010)	(7)	58.000
Giá niêm yết dự kiến *(theo trọng số)* (8) = 45% x (3) + 35% x (6) + 20% x (7)	(8)	**59.091**

Kết luận:

Giá cổ phiếu tính theo P/E = 6,58 được xác định ở mức 91.973 đồng/cổ phần.

Giá cổ phiếu dự kiến theo P/B = 1,42 được xác định ở mức 17.439 đồng/cổ phần.

Giá cổ phiếu hiện đang giao dịch tại thị trường OTC là 58.000 đồng/cổ phần (Nguồn: theo báo đầu tư chứng khoán số …. ngày 31/03/2010).

Căn cứ vào các kết quả tính giá trên, chúng tôi xác định và đề xuất giá niêm yết dự kiến của Cty CP Đá Núi Nhỏ trong ngày giao dịch đầu tiên là **59.000** đồng/cổ phần.

6. Giá niêm yết dự kiến: 59.000 đồng/cổ phiếu

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài, vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

8. Các loại thuế có liên quan

- Từ năm 2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty là 25% theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.
- Thuế GTGT đối với đá xây dựng là 10%, các dịch vụ khác của Công ty là 10%.
- Theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân của Chính phủ thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:
    - Thu nhập từ đầu tư vốn: lợi tức cổ phần và các thu nhập đầu tư vốn dưới các hình thức khác không bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ;
    - Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác;
    - Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp, ...;
    - Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp, ...

Các quy định về thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực từ ngày 01/01/2009

- Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam:
    - Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
    - Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.
- Thuế tài nguyên áp dụng theo quyết định của UBND tỉnh Bình Dương với mức giá được quy định và thuế suất 5%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3 928 8888 Fax: (84-4) 3 928 9888

Chi nhánh: 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3 914 6888 Fax: (84-8) 3 914 7999

Email: info@bvsc.com.vn Website: www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán.

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (ASSCs).

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 5944 Fax: (84-8) 3820 5942

Email: aascs@vnn.vn Website: www.aascs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục 02: Điều lệ công ty
3. Phụ lục 03: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và Báo cáo tài chính quyết toán Quý 1/2010.
4. Phụ lục 04: Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 20/11/2009.
5. Phụ lục 05 : Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu
6. Phụ lục 06 : Cam kết nắm giữ của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT
7. Phụ lục 07 : Cam kết không chuyển nhượng của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn
8. Phụ lục 08 : Danh sách thành viên chủ chốt và những người có liên quan
9. Phụ lục 09 : Giấy ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết
10. Phụ lục 10 : Quy trình công bố thông tin nội bộ
11. Phụ lục 11 : Tổng hợp quá trình tăng vốn
12. Phụ lục 12 : Tổng hợp quá trình mua bán cổ phiếu quỹ
13. Phụ lục 13 : Đề nghị cấp mã chứng khoán
14. Phụ lục 14 : Ủy quyền cho BVSC làm việc với Sở GDCK.
15. Phụ lục 15 : Cam kết niêm yết tại SGDCK TP.HCM
16. Phụ lục 16 : Cam kết thực hiện Quy chế Quản trị Công ty
17. Phụ lục 17 : Quy chế quản trị Công ty
18. Phụ lục 18 : Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009

19. Phụ lục 19 : Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua hồ sơ niêm yết

20. Phụ lục 20 : Sơ yếu lý lịch của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT.

21. Phụ lục 21 : Sổ theo dõi cổ đông

22. Phụ lục 22 : Hợp đồng tư vấn

23. Phụ lục 23: Các hồ sơ pháp lý khác

Bình Dương, ngày tháng năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ

CHỦ TỊCH HĐQT	**GIÁM ĐỐC**
MAI VĂN CHÁNH	**PHAN TRỌNG NHÂN**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
NGUYỄN HỒNG CHÂU	**TRẦN PHÚ CƯỜNG**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

VÕ HỮU TUẤN